

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Địa chỉ: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84) 24 6269 0481 - Fax: (+84) 24 6269 0481

Website: <https://fecon.com.vn>

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2022



MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG.....	2
1. Thông tin khái quát.....	2
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	4
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	4
4. Định hướng phát triển.....	8
5. Các rủi ro.....	8
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	11
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	11
2. Tổ chức và nhân sự.....	12
3. Tình hình thực hiện các dự án thi công và tình hình đầu tư dự án.....	17
4. Tình hình tài chính.....	19
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	21
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.....	23
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	25
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	25
2. Tình hình tài chính.....	25
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	26
4. Kế hoạch kinh doanh năm 2022.....	26
5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.....	27
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty.....	27
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	27
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	27
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành.....	28
3. Các định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2022.....	29
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	29
1. Hội đồng quản trị.....	29
2. Ban kiểm soát.....	32
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.....	33
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN NĂM 2021.....	36

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2022/BC-TCKT.FECON

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- Quý cổ đông và nhà đầu tư

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần FECON (sau đây viết tắt là “Công ty” hoặc “FECON”)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0101502599 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/06/2004, thay đổi lần thứ 32 ngày 14 tháng 01 năm 2022
- Vốn điều lệ : 1.574.390.050.000 đồng (Một nghìn năm trăm bảy mươi bốn tỷ, ba trăm chín mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 1.574.390.050.000 đồng (Một nghìn năm trăm bảy mươi bốn tỷ, ba trăm chín mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng)
- Địa chỉ : Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại : (+84) 24 6269 0481
- Số fax : (+84) 24 6269 0481
- Website : <https://fecon.com.vn>
- Mã cổ phiếu : FCN

Quá trình hình thành và phát triển:

- Tháng 18/6/2004: Thành lập Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và Công trình ngầm FECON.
- Năm 2007: Tăng vốn điều lệ lên 39,63 tỷ đồng.
- Năm 2009: Tăng vốn điều lệ lên 87,997 tỷ đồng.
- Năm 2010: Tăng vốn điều lệ lên 107 tỷ đồng.
- Năm 2011: Tăng vốn điều lệ lên 128,4 tỷ đồng.
- Tháng 03/2012: Tăng vốn điều lệ lên 138,051 tỷ đồng.
- Tháng 06/2012 là doanh nghiệp Việt Nam đầu tiên chính thức trở thành Hội viên doanh nghiệp của Hội Xây dựng Hàm và Không gian ngầm Quốc tế (ITA-AITES).
- Tháng 07/2012: FECON chính thức niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam với mã cổ phiếu FCN.
- Tháng 05/2013: Thành lập Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn.
- Tháng 10/2013: Tăng vốn điều lệ lên 397,591 tỷ đồng.
- Năm 2014: Tăng vốn điều lệ lên 457 tỷ đồng.
- Năm 2016: Đổi tên thành Công ty Cổ phần FECON.
- Ngày 10/03/2017: Tăng vốn điều lệ lên 543,5 tỷ đồng.
- Ngày 12/02/2018: Tăng vốn điều lệ lên 943,4 đồng.
- Ngày 10/06/2019: Tăng vốn điều lệ lên 1.138,5 tỷ đồng.
- Ngày 17/10/2019: Tăng vốn điều lệ lên 1.195,4 tỷ đồng.
- Ngày 25/01/2021: Tăng vốn điều lệ lên 1.254,4 tỷ đồng.
- Ngày 14/01/2022: Tăng vốn điều lệ lên 1.574,4 tỷ đồng.

2. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

- **Ngành nghề kinh doanh:**

Công ty hoạt động kinh doanh trong hai lĩnh vực chủ yếu là lĩnh vực thi công và đầu tư dự án, cụ thể như sau:

* **Lĩnh vực thi công:**

- **Nền và móng:** Khảo sát địa chất và thí nghiệm nền móng, Thí nghiệm nén tĩnh cọc khoan nhồi chịu tải trọng lớn, Thí nghiệm O-cell, Xử lý nền, Thi công cọc, Thi công cọc khoan nhồi và tường vây, Thi công hầm và kết cấu dưới.
- **Công trình ngầm:** Hồ đào sâu, Thi công đào hầm bằng khiên đào, kích đẩy, Xử lý nền, chống thấm công trình ngầm bằng công nghệ cao, Quan trắc trong quá trình xây dựng và vận hành.
- **Xây dựng cơ sở hạ tầng:** Thi công cầu, đường cao tốc, đường sắt, Thi công cảng, đường thùy, Thi công hạ tầng công nghiệp và đô thị.
- **Xây dựng dân dụng và công nghiệp:** Xây dựng công trình công nghiệp nặng, công nghiệp nhẹ, Xây dựng công trình nhà ở, phi nhà ở.

* **Đầu tư dự án:**

- **Đầu tư hạ tầng giao thông:** Đường bộ, đường cao tốc, cảng, đường sắt, cầu.
- **Đầu tư hạ tầng năng lượng:** Điện mặt trời, điện gió, thủy điện, phát triển dự án điện khí LNG.
- **Phát triển đô thị và khu công nghiệp:** Khu công nghiệp xanh, khu đô thị sinh thái.
- **Địa bàn kinh doanh:** Địa bàn kinh doanh chính của Công ty là tại Việt Nam, ngoài ra Công ty đã và đang thực hiện một số dự án ở nước ngoài như Myanmar và Campuchia.

3. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

- **Mô hình quản trị:**

Công ty Cổ phần FECON tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và tuân thủ theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và Luật Doanh nghiệp. Mô hình quản trị của Công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc.

- **Cơ cấu bộ máy quản lý:**

- Các công ty con, công ty liên kết:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
I	Đầu tư vào các Công ty con					
1	Công ty Cổ phần Thiết bị FECON (bao gồm cả tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần công trình ngầm FECON)	Hòa Bình	Sửa chữa và Cho thuê máy móc, thiết bị	99,93%	99,93%	94,12%
2	Công ty Cổ phần thi công cọc FECON số 1	Hà Nội	Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm	99,89%	99,89%	99,89%
3	Công ty Cổ phần cọc khoan và kết cấu ngầm FECON	Hà Nội	Xây dựng nền móng, công trình ngầm, bao gồm cả ép cọc	99,89%	99,89%	99,89%
4	Công ty Cổ phần cọc và xây dựng FECON (trước là Công ty Cổ phần thi công cọc và xây dựng FECON)	Hà Nội	Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc	99,94%	99,94%	99,94%
5	FECON Trung Chính Myanmar	Myanmar	Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cầu đường	51,00%	51,00%	93,56%
6	Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON (trước là Công ty Cổ phần Xử lý nền và Xây dựng FECON)	Hà Nội	Thi công xử lý nền đất yếu	99,56%	99,56%	99,56%
7	Trường THPT Ý Yên	Nam Định	Giáo dục, đào tạo cấp Trung học cơ sở, cấp Trung học Phổ thông	72,90%	72,90%	72,90%
8	Công ty Cổ phần Đầu tư FECON (trước là Công ty Cổ phần Hạ tầng và Phát triển đô thị FECON)	Hà Nội	Hoạt động trong lĩnh vực phát triển dự án và thi công xây dựng	90,52%	90,52%	90,52%
9	Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON	Hà Nội	Thi công xử lý nền móng các công trình ngầm	57,90%	57,90%	57,90%

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
10	Công ty Cổ phần FECON SOUTH	TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm thi công các loại cọc, xử lý nền	99,99%	99,99%	99,99%
11	Công ty CP Năng Lượng FECON (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Đầu tư các dự án năng lượng tái tạo	99,99%	99,99%	91,87%
12	Công ty Cổ phần Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	97,22%	97,22%	88,01%
13	FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD	Myanmar	Khảo sát địa chất, xử lý nền móng, thi công cọc và dịch vụ thiết kế tại thị trường Myanmar	60%	60%	60%
14	Công ty CP Khoáng sản FECON Hải Đăng (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty CP Đầu tư FECON)	Thanh Hóa	Khai thác và chế biến khoáng sản	99,99%	99,99%	96,59%
15	Công ty Cổ phần đầu tư năng lượng ECOTECH Việt Nam (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Sản xuất điện	99,99%	99,99%	95,85%
16	Công ty TNHH MTV Nguồn Nhân Lực FECON	Hà Nội	Dịch vụ, giáo dục	100%	100%	100%
17	Công ty TNHH MTV Thi công đường bộ FCI (tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON)	Hà Nội	Thi công xây dựng và bán bê tông	100%	100%	99,56%
18	Công ty Cổ phần FECON Miltec (tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON)	Long An	Sản xuất sản phẩm từ plastic như bác thăm, vải địa kỹ thuật và các sản phẩm khác từ plastic.	50,29%	50,29%	50,07%

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
19	Công ty TNHH Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng (Tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần Đầu tư Năng lượng Ecotech Việt Nam)	Sóc Trăng	Sản xuất điện gió tại dự án Nhà máy Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng.	90,00%	90,00%	90,00%
II	Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết					
1	Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hào 6		Sản xuất điện	40%	40%	40%
2	Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật tiên tiến Raito - FECON	Hà Nội	Thi công xây dựng	49%	49%	28,4%
3	Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune	Hà Nội	Thi công xây dựng	49,10%	49,10%	49,10%
4	Công ty Cổ phần Nguồn Nhân lực Thanh Giang FECON	Hà Nội	Dịch vụ, giáo dục	48,83%	48,83%	48,83%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2021

4. Định hướng phát triển

Tầm nhìn

Trở thành Tập đoàn xây dựng và phát triển hạ tầng hàng đầu tại Việt Nam vào năm 2025.

Sứ mệnh FECON

FECON không ngừng học hỏi, sáng tạo nhằm mang đến giá trị bền vững cho xã hội thông qua các hoạt động xây dựng và đầu tư dự án.

Triết lý kinh doanh FECON

- Mọi hoạt động của Công ty đều hướng tới mục tiêu dài hạn là: ích nước – lợi nhà;
- Mọi sản phẩm và dịch vụ dù là lớn hay nhỏ luôn làm thỏa mãn khách hàng;
- Chất lượng, hiệu quả, đúng hẹn để khắc ghi ấn tượng “Chuyên nghiệp” trong tâm thức của khách hàng;
- Tài sản quan trọng nhất của Công ty là con người, lòng nhiệt tình và quyết tâm cùng tạo lập;
- Văn hoá doanh nghiệp là niềm tự hào của nhân viên và niềm tin của cộng đồng;
- Học tập, rèn luyện không ngừng để đổi mới và thích nghi là trách nhiệm của Công ty và của mỗi thành viên FECON.

5. Các rủi ro

Đại dịch Covid trong năm 2021 là một trong những rủi ro tác động vô cùng to lớn đến mọi mặt của nền kinh tế, xã hội nói chung cũng như tới hoạt động sản xuất kinh doanh tại FECON nói riêng. Việc nhận diện và có kế hoạch ứng phó với các rủi ro hiện tại và tương lai giữ vai trò then chốt trong việc duy trì ổn định và phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Với FECON, Quản trị rủi ro (QTRR) không chỉ nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực

mà còn giúp nắm bắt được cơ hội chuyển hóa từ những rủi ro. Thông qua việc xây dựng các khung Quản trị rủi ro. FECON tiếp tục duy trì và hoàn thiện hoạt động Quản trị rủi ro, đồng thời tăng cường văn hóa quản trị rủi ro ở góc độ vận hành hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như quản trị doanh nghiệp tại Công ty mẹ và tất cả các công ty thành viên trong Tập đoàn.

5.1. Rủi ro môi trường vĩ mô

Những yếu tố quan trọng của nền kinh tế, tác động của các vấn đề xã hội như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, tăng trưởng tín dụng, vấn đề thất nghiệp hay thiếu lao động... đều có ảnh hưởng đến các hoạt động và kết quả kinh doanh của Tập đoàn.

Đứng trước những rủi ro đến từ môi trường vĩ mô, FECON luôn theo dõi chặt chẽ diễn biến của nền kinh tế, thường xuyên cập nhật các kịch bản ứng phó kèm nguồn lực phù hợp để giữ thế chủ động trong mọi tình huống.

5.2. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động của FECON gắn liền với rủi ro hoạt động của các dự án. Năm 2021, FECON đối mặt với các rủi ro về những ảnh hưởng của dịch bệnh và sự biến động của giá cả nguyên vật liệu.

FECON đang phát triển mạnh mẽ hoạt động xây dựng theo hình thức tổng thầu với mục tiêu trở thành “Tập đoàn xây dựng và phát triển hạ tầng hàng đầu Việt Nam vào năm 2025, tầm nhìn 2030”. Chiến lược mới mang lại doanh thu và lợi nhuận tốt, chủ động dòng tiền hơn tuy nhiên cũng khiến FECON phải đối mặt với rủi ro về vận hành, nguồn lực và cơ chế quản lý trong quá trình chuyển dịch.

Ban Lãnh đạo FECON đã chủ động hợp tác, phối hợp với các đối tác có năng lực chuyên môn và tài chính tốt, tuyển dụng nhân sự nhiều kinh nghiệm, xây dựng và cập nhật các cơ chế, chính sách và quy trình quản lý dự án theo mô hình tổng thầu, cũng như đẩy mạnh áp dụng các phần mềm tiên tiến (PMS, BIM, REVIT...) trong đấu thầu và điều hành dự án.

TOP10 các rủi ro đáng quan tâm năm 2021 của FECON bao gồm rủi ro về an toàn lao động và bảo vệ môi trường. Các biện pháp ứng phó với rủi ro này được tiếp tục duy trì, đẩy mạnh như đào tạo an toàn, thắt chặt quy định về an toàn, bảo vệ môi trường ở từng dự án, thực hiện các công tác kiểm soát an toàn,...

Đặc biệt, trước tình hình dịch bệnh COVID-19 bùng phát mạnh ở tất cả các địa phương trên cả nước đặc biệt trong giai đoạn Quý 1/2022, cùng với việc thay đổi chính sách chống dịch sang “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”, FECON đã điều chỉnh các biện pháp ứng phó rủi ro trong quản lý dự án để thích ứng với những thay đổi thực tế.

5.3. Rủi ro tài chính

Những biến động của thị trường đã tác động mạnh mẽ đến hoạt động tài chính của FECON. Các rủi ro tài chính được nhận diện bao gồm:

- Rủi ro nợ xấu: Sự khó khăn trong hoạt động kinh doanh của hầu hết các lĩnh vực dẫn đến việc khách hàng của FECON không đáp ứng được nghĩa vụ công nợ theo hợp đồng.
- Rủi ro thanh khoản: Khả năng cân đối dòng tiền, nguy cơ thiếu hụt nguồn tiền để thanh toán các nghĩa vụ đến hạn hoặc tài trợ cho các hoạt động quan trọng
- Rủi ro đầu tư và quản lý đầu tư: Rủi ro trong quá trình thẩm định đầu tư, cấu trúc đầu tư

chưa phù hợp với nguồn lực tài chính của Tập đoàn và cho việc thoái vốn.

Các biện pháp ứng phó rủi ro được FECON triển khai như tăng cường, tập trung cho hoạt động quản lý dòng tiền, trích lập dự phòng với những khoản nợ xấu, và đẩy mạnh công tác phối hợp giữa các bộ phận, phòng, ban trong công tác đánh giá khách hàng, thu hồi công nợ và đánh giá lựa chọn các phương án đầu tư. Năm 2021, việc phát hành thành công 32 triệu cổ phiếu cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp đã góp phần quan trọng cho FECON trong việc ứng phó với các rủi ro tài chính của Công ty.

5.4. Rủi ro về nhân sự

FECON nhận định rủi ro về chất lượng nguồn nhân lực luôn là một trong những rủi ro ảnh hưởng lớn đến chiến lược phát triển của Tập đoàn. Sau khi đại dịch Covid-19 được kiểm soát, các công ty cùng ngành khôi phục lại hoạt động sản xuất kinh doanh và đẩy mạnh việc tuyển dụng nhân sự đặc biệt là nhân sự cấp cao và cấp trung dẫn đến sự cạnh tranh lớn trong việc thu hút, tuyển dụng nhân sự, nguy cơ chảy máu chất xám.

Nhận thức được rủi ro này, năm 2021 FECON tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị nhân sự tập trung cũng như cải thiện đồng bộ các chính sách nhân sự nhằm tạo dựng môi trường làm việc hấp dẫn, công bằng và cạnh tranh lành mạnh trong tập đoàn, các quy định về lương thưởng cũng được điều chỉnh nhằm giữ chân nhân tài đồng thời nâng cao năng lực cho nhân sự thông qua các khóa đào tạo về kỹ năng quản lý, chuyên môn, kết hợp cùng việc xây dựng lộ trình công danh rõ ràng, trao cơ hội tới các nhân sự có năng lực.

5.5. Rủi ro danh tiếng

Rủi ro về quản trị thương hiệu FECON là một trong những rủi ro ảnh hưởng lớn đến chiến lược phát triển của Tập đoàn trong bối cảnh tăng trưởng quy mô cùng với việc đẩy mạnh phát triển lĩnh vực đầu tư dự án.

Năm 2021, công tác quản lý rủi ro về thương hiệu gắn liền với quản trị khủng hoảng truyền thông được triển khai mạnh mẽ trên cả hai phương diện bao gồm việc nâng cao hiểu biết về quản trị rủi ro thương hiệu trong nội bộ Tập đoàn và quy định về công bố thông tin, ứng phó khủng hoảng truyền thông.

Công ty luôn đảm bảo minh bạch hóa các thông tin và tối đa hóa lợi ích kỳ vọng của các bên liên quan nhằm hạn chế việc phát sinh các thông tin bất lợi liên quan đến chất lượng và uy tín của doanh nghiệp.

5.6. Rủi ro pháp lý

Hệ thống pháp luật Việt Nam liên tục có những thay đổi, điều chỉnh có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của FECON.

Các quy định đặt ra đối với các công ty niêm yết như quản trị công ty, công bố thông tin... ngày càng chặt chẽ, do đó các rủi ro phát sinh trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, các nghĩa vụ với cổ đông luôn được Công ty chú trọng quản lý, giám sát việc tuân thủ.

Ban Pháp chế tiếp tục đẩy mạnh công tác tham mưu, tư vấn pháp lý cho Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban; cập nhật, phổ biến các văn bản, chế độ, chính sách pháp luật tới các cán bộ nhân viên liên quan. Bên cạnh đó, FECON luôn sẵn sàng tham khảo ý kiến các chuyên gia tư vấn hỗ trợ nghiệp vụ khi cần thiết.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Các chỉ tiêu tài chính đạt được ghi nhận trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 của FECON như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Tăng trưởng 2021/2020	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch 2021
1	Doanh thu Hợp nhất	tỷ đồng	3.154	3.900	3.484	10%	89%
2	Doanh thu Công ty Mẹ	tỷ đồng	2.006	2.600	2.418	21%	93%
3	LNST Hợp nhất	tỷ đồng	134	175	71	-47%	41%
4	LNST Công ty Mẹ	tỷ đồng	82	85	48	-41%	56%
5	LNST của cổ đông Công ty Mẹ	tỷ đồng	119	166	68	-42%	40%
6	EPS Hợp nhất	Đồng/CP	929	1.174	534	-43%	45%

Lĩnh vực thi công

Nguyên nhân chưa hoàn thành các chỉ tiêu tài chính so với kế hoạch phần lớn đến từ 2 lý do khách quan là đại dịch Covid-19 và bão giá nguyên vật liệu xây dựng. Nhiều dự án chậm triển khai như Dự án Nhiệt điện Nam Định, Nhiệt điện Vũng Áng 2, Dự án gang thép Hòa Phát Dung Quất giai đoạn 2...đặc biệt là Dự án đường sắt đô thị số 3 Hà Nội (Metro Line 3) hầu như không triển khai trong năm 2021, bên cạnh đó, việc giải ngân đầu tư công còn chậm ảnh hưởng lớn đến các dự án hạ tầng. Công tác thu hồi công nợ cũng bị ảnh hưởng, làm phát sinh chi phí tài chính và khó khăn dòng tiền cho doanh nghiệp.

Về các lý do chủ quan, công ty đang trong giai đoạn chuyển đổi từ Nhà thầu chuyên môn sang Nhà thầu chính, hệ thống quản trị đang từng bước thích nghi với các mục tiêu kinh doanh mới, cần nâng lực quản trị toàn diện hơn. Các dự án phát huy được năng lực cốt lõi thì vẫn mang lại hiệu quả cao, tuy nhiên một vài dự án công ty đứng tổng thầu trong năm chưa đạt hiệu quả kỳ vọng, do chưa khai thác được tối ưu các nguồn lực cả về thiết bị và con người trải dài 12 tháng, lúc cao điểm thì không đủ nguồn lực, lúc thấp điểm thì dư thừa, ảnh hưởng đến chi phí thi công dự án.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, Doanh thu hợp nhất toàn tập đoàn năm 2021 vẫn có sự tăng trưởng 10% so với năm 2020 với 3.484 tỷ đồng, hoàn thành 89% kế hoạch năm. Doanh thu công ty mẹ tăng trưởng 21% với 2.418 tỷ đồng, đạt 93% kế hoạch năm. Chịu tác động kép từ đại dịch Covid và bão giá vật liệu xây dựng, cho nên hiệu quả các dự án bị ảnh hưởng nghiêm trọng, dẫn tới Tỷ suất lợi nhuận gộp năm 2021 chỉ đạt 13,5%, thấp hơn các năm trước.

Lý do chính của tổng lợi nhuận sau thuế cả năm không đạt kế hoạch năm bên cạnh tác động kép lên mảng thi công thì sự thiếu hụt lợi nhuận từ mảng Đầu tư cũng rất đáng kể, tất cả các kế hoạch thoái vốn dự án chưa thể hoàn thành để có thể đóng góp vào lợi nhuận chung của tập đoàn.

Lĩnh vực đầu tư

Trong năm 2021, mặc dù mảng đầu tư chưa hiện thực hóa được lợi nhuận để đóng góp vào kết quả sản xuất kinh doanh, nhưng cũng mang lại những thành quả tích cực như việc COD thành công đúng thời hạn dự án điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng vào ngày 29/10/2021, để

lại mốc son đáng chú ý trong quá trình phát triển của FECON nói chung và mảng điện tái tạo nói riêng.

Các dự án bất động sản tại Hưng Yên, Thái Nguyên, Bắc Giang, Bắc Ninh, Đồng Tháp cũng đã đạt được các bước tiến đáng kể để sẵn sàng bùng nổ trong năm 2022. Bên cạnh đó, Tổng công ty đầu tư FECON đã được hình thành trên cơ sở tái cấu trúc công ty cổ phần hạ tầng FECON sẽ là bàn đạp vững chắc để triển khai các dự án đầu tư của FECON một cách chuyên nghiệp, bài bản và hiện thực hóa lợi nhuận theo chiến lược trung hạn tập đoàn đã đặt ra.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban Tổng Giám đốc

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Thanh	Tổng giám đốc
2	Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng giám đốc thường trực
3	Lê Quang Hanh	Phó Tổng giám đốc
4	Tạ Công Thanh Vinh	Phó Tổng giám đốc
5	Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng giám đốc
6	Đỗ Mạnh Cường	Phó Tổng giám đốc
7	Đoàn Lam Trà	Phó Tổng giám đốc (*)
8	Nguyễn Thị Nghiênn	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Ghi chú: ông Đoàn Lam Trà đã miễn nhiệm ngày 29/12/2021.

Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành của Ban Tổng Giám đốc:

Ông NGUYỄN VĂN THANH – Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1980
- Quốc tịch: Việt Nam
- Học vấn: Thạc sỹ xây dựng tại Đại học Quốc gia Singapore (NUS)
- Quá trình công tác:
 - 2003 - 2005: Công tác tại Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà Hà Nội.
 - 2005 - 2006: Công tác tại Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam Lilama.
 - 2006 - 2009: Trợ lý Giám đốc dự án - Tập đoàn Kỹ thuật và Xây dựng Kim Seng Heng – Singapore.
 - 2009 - 2011: Tư vấn Trường dự án – Công ty Tư vấn QLDA CDG – Singapore.
 - 2011 - 2017: Giám đốc kinh doanh – Công ty cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON.
 - 2017: Tổng Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần FECON.
 - 11/2018 - nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON.
- Sở hữu cá nhân: 258.693 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0,16%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0%

Ông NGUYỄN QUỐC BẢO – Phó Tổng giám đốc thường trực

- Năm sinh: 1985.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Học vấn: Thạc sỹ kỹ thuật và công nghệ chuyên ngành Xây dựng tại Liên bang Nga (Trường Đại Học Quốc Gia Tam Bốp)
- Quá trình công tác:
 - 2011-2012: Kỹ sư thiết kế - Công ty VSL Việt Nam
 - 2012-2013: Phó Giám đốc kế hoạch - Công ty Forio JSC
 - 2013-2018: Chỉ huy trưởng, Đội trưởng đội QLDA, Trưởng Ban Dự án 2 Công ty Cổ phần FECON
 - 2018 - nay: Phó Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty CP FECON.
- Sở hữu cá nhân: 59 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0%

Ông LÊ QUANG HANH – Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1978.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Học vấn: Phó Giáo sư ngành Giao thông vận tải. Tiến sĩ kỹ thuật Trường Đại học Kỹ thuật Tổng hợp Darmstadt (Đức)
- Quá trình công tác:
 - 2000-2003: Công tác tại Công ty tư vấn Thăng Long – Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long
 - 2003-2010: Giảng viên Trường Đại học Giao thông Vận tải
 - 2006-2009: Trợ lý nghiên cứu – Đại học Technische Universitaet Darmstadt (Đức)
 - 2011-2014: Viện Trưởng Viện Nền móng và Công trình ngầm FECON
 - 2015 - nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON.
 - Từ tháng 4/2017 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON
- Sở hữu cá nhân: 78 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0%

Ông TẠ CÔNG THANH VINH – Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 1985.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Học vấn: Thạc sỹ Địa chất công trình Trường Gadjah Mada ijazah (Indonesia)
 - 2010 - 2013: Quản lý Kỹ thuật tại Menard SNC
 - 2013 - 2014: Trưởng phòng Đại diện phía Nam, Chỉ huy trưởng/ GĐ DA, Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nền móng và Công trình ngầm FECON
 - 2014 - 2016: Giám đốc kỹ thuật, Công ty Cổ phần FECON
 - 2016 - 2019: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON, Giám đốc Công ty Cổ

phần FECON SOUTH

- Từ 2019 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON
- Sở hữu cá nhân: 7 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0,0%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0%

Ông NGUYỄN THANH TÙNG – Phó Tổng giám đốc

- Năm sinh: 1981.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Học vấn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Schidler College of Business
- Quá trình công tác:
 - 2004 - 2005: Kỹ sư Xây dựng Công ty TNHH Tư vấn thiết kế CIMAS/CTCI
 - 2005 - 2014: Kỹ sư Xây dựng Vamed Engineering GMBH & Co
 - 2015: Quản lý dự án Công ty Cổ phần Xây dựng Kiến trúc AA
 - 2016 - 2018: Giám đốc điều hành Công ty Hạ tầng Econs Việt Nam
 - 10/2018 - 11/2019: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Hawee Xây dựng công nghiệp
 - 12/2019 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần FECON
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0%

Ông ĐỖ MẠNH CƯỜNG – Phó Tổng giám đốc

- Năm sinh: 1977.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Học vấn: Tốt nghiệp ngành Xây dựng cầu hầm – Đại học Giao thông vận tải
- Quá trình công tác:
 - 2000 - 2003: Kỹ sư thiết kế Công ty CP TVTK Cầu lớn hầm – TEDI
 - 2003 - 2005: Kỹ sư cầu Liên doanh tư vấn Nippon Koei – TEDI
 - 2005 - 2007: Trưởng nhóm kỹ sư Việt Nam mảng kết cấu cầu, cống, công trình trên biển.
 - 08/2007 - 09/2008: Kỹ sư thiết kế Công ty CP TVTK cầu lớn Hầm – TEDI
 - 10/2008 – 09/2010: Phó kỹ sư thường trú (trưởng nhóm kỹ sư Việt nam) Liên danh tư vấn OC – TEDI – APECO
 - 09/2010 – 10/2014: Phó trưởng phòng Cầu 4 Công ty CP TVTK Cầu lớn Hầm TEDI
 - 10/2014 – 07/2016: Trưởng phòng Kinh tế - kỹ thuật Công ty CP Đầu tư hạ tầng FCC
 - 07/2016 – 07/2019: Phó giám đốc Công ty CP Hạ tầng FECON
 - 07/2019 – 05/2020: Giám đốc Công ty CP Hạ tầng và phát triển đô thị FECON
 - 06/2020 – Nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP FECON.
- Sở hữu cá nhân: 10.159 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0,01%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0%

Ông ĐOÀN LAM TRÀ – Phó Tổng giám đốc

- Năm sinh: 1977
- Quốc tịch Việt Nam.
- Học vấn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Maastricht school of Management.
- Quá trình công tác:
 - 2000 – 2002: Kỹ sư – Công ty LILAMA 18
 - 2002 – 2009: Phó giám đốc Dự án – Tổng công ty Lắp máy Việt Nam LILAMA
 - 2001 – 2020: Trưởng phòng QLDA - Tổng Công ty Xây dựng số 1
 - 2020 – T12/2021: Phó Tổng giám đốc – Công ty Cổ phần FECON, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần FECON South.
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0%

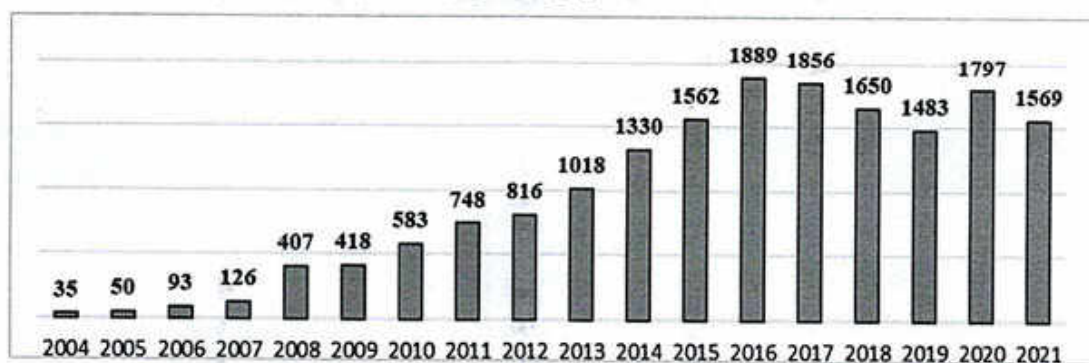
Bà NGUYỄN THỊ NGHIÊN – Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

- Năm sinh: 1976.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Học vấn: Thạc sĩ Tài chính tại Đại học Kinh tế quốc dân
- Quá trình công tác:
 - 07/2011 - 04/2015: Phó Phòng kế toán Thống kê Tài chính Công ty viễn thông liên tỉnh
 - 05/2015 - 12/2016: Trợ lý TGD về Tài chính Công ty Cổ phần FECON
 - 05/2015 - 09/2018: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON
 - 09/2018 - 08/2019: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần FECON
 - 09/2019 - nay: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần FECON
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0%
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu – Tỷ lệ: 0%

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành

STT	Thành viên Ban điều hành	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành
1	Ông Muôn Văn Chiến	1972	Kỹ sư Cầu hầm	Miễn nhiệm 05/04/2021
2	Ông Phạm Quốc Hùng	1975	Thạc sỹ xây dựng	Miễn nhiệm 05/04/2021
3	Ông Nguyễn Hoàng Long	1977	Thạc sỹ kinh tế tài chính	Miễn nhiệm 05/04/2021
4	Ông Đoàn Lam Trà	1977	Thạc sỹ quản trị kinh doanh	Miễn nhiệm 29/12/2021

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên, tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động

Tổng số lượng lao động Công ty đến thời điểm 31/12/2021

Tổng số nhân sự tại FECON năm 2021 là 1.569 người, giảm 12,7% so với năm 2020 do Công ty thực hiện triển khai tái cấu trúc một số các đơn vị theo hướng tinh gọn đội ngũ nhân sự, tăng năng suất lao động.

Tóm tắt chính sách nhân sự và các điều chỉnh trong chính sách đối với người lao động trong chính sách nhân sự:

Song song với việc phát triển kinh doanh, FECON luôn chú trọng ổn định và phát triển các nguồn lực nội bộ trong đó có nguồn lực về nhân sự. Các chính sách đối với người lao động tập trung xây dựng các chính sách về lương, thưởng, phúc lợi phù hợp và cạnh tranh với thị trường nhằm thu hút, khích lệ và động viên người lao động, ghi nhận sự đóng góp của cá nhân đối với tổ chức đồng thời thiết lập hệ thống đánh giá nhằm đảm bảo việc chi trả chế độ chính xác, công bằng.

Trong năm 2021, FECON tiếp tục có những điều chỉnh kịp thời trong chính sách nhân sự nhằm thúc đẩy năng suất và đóng góp của người lao động, trong đó chính sách thu nhập dành cho khối quản lý dự án tiếp tục được nghiên cứu cải tiến với cơ chế lương thưởng rõ ràng. Chính sách nhân sự mới cũng đã xây dựng các cơ chế hỗ trợ, động viên tinh thần cho khối quản lý dự án khi phải đi dự án xa, giúp người lao động yên tâm công tác (chế độ về thăm nhà, chế độ phép đặc biệt đối với Khối Quản lý dự án...).

Cùng với đó, Ban lãnh đạo luôn coi trọng và đầu tư cho các công tác về đào tạo, coi đào tạo phát triển là một trong những chiến lược nhân sự cốt lõi nhằm phát triển doanh nghiệp bền vững. Năm 2021, mô hình học tập trong toàn tập đoàn được đẩy mạnh, không chỉ gắn kết người lao động với tổ chức mà còn là động lực thúc đẩy người lao động phát triển bản thân. Các chương trình đào tạo phát triển đã và đang được xây dựng đang có những kết quả bước đầu như: nâng cao chất lượng đội ngũ thể hiện rõ trong năng suất và hiệu quả công việc được nâng cao, khả năng thích ứng với những thay đổi của tổ chức đặc biệt trong giai đoạn đang mở rộng thêm phạm vi và các loại hình kinh doanh, đồng thời đào tạo nhóm nhân sự tiềm năng trở thành nhóm nguồn lực kế cận nhằm đảm bảo tính ổn định của tổ chức.

Năm 2021 là một trong những năm dịch bệnh Covid 19 có những ảnh hưởng sâu sắc đến toàn bộ hoạt động kinh tế xã hội, tuy nhiên FECON vẫn duy trì các hoạt động an sinh, trách nhiệm xã hội của Công ty đối với từng cá nhân và gia đình người lao động (ngày Thương binh liệt sỹ 27/7, gia đình khó khăn), các hoạt động đoàn thể (nhân dịp 08/03, 20/10, tết thiếu nhi...), các chương trình tôn vinh cá nhân, tập thể (thưởng danh hiệu, thưởng sáng kiến...). FECON

cũng đồng thời tổ chức các chương trình nhằm bảo vệ sức khỏe của cán bộ nhân viên, đồng hành cùng với các chương trình phòng chống Covid của Chính phủ như: Thành lập “Đội phòng chống dịch” tuyên truyền, hướng dẫn và nhắc nhở cán bộ nhân viên về việc tuân thủ các biện pháp phòng chống dịch, hướng dẫn cách ly, chăm sóc sức khỏe theo hướng dẫn của Bộ Y tế, đóng góp ủng hộ công tác phòng chống dịch tại tỉnh Bắc Giang.

Công ty luôn thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, chế độ hưu trí, các công tác xã hội, từ thiện và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước liên quan đến người lao động.

3. Tình hình thực hiện các dự án thi công và tình hình đầu tư dự án

3.1. Tình hình thực hiện các dự án thi công lớn

Về đích loạt dự án điện gió mảng Xây dựng công nghiệp: Năm 2021, với việc hoàn thành đúng tiến độ hạng mục xây dựng móng trụ turbine và hạ tầng trong vai trò tổng thầu CboP các dự án điện gió, FECON đã góp phần đưa các dự án này kịp vận hành thương mại (COD) trước mốc 31/10 để hưởng ưu đãi giá FIT. Các dự án FECON đảm nhiệm hầu hết là các dự án quy mô lớn, có địa hình thi công phức tạp và đòi hỏi gắt gao về tiến độ thi công. Dấu ấn này đã khẳng định năng lực thi công của FECON trong mảng xây dựng công nghiệp, trên cơ sở phát huy năng lực xuất sắc về nền móng và công trình ngầm.

Nổi bật trong các gói thầu điện gió mà FECON đã hoàn thiện trong năm 2021 là tại Cụm trang trại điện gió B&T Quảng Bình - một trong những trang trại điện gió trên bờ lớn nhất Việt Nam hiện nay với tổng công suất 252 MW, bao gồm 60 turbine. Đây cũng là dự án điện gió có giá trị trúng thầu lớn nhất của FECON khi liên tiếp trúng nhiều gói thầu với tổng trị giá 1.392 tỷ đồng, đảm nhiệm vai trò tổng thầu thi công toàn bộ móng trụ turbine và 60 km đường giao thông nội bộ, cung cấp nhân công lắp ráp turbine điện gió.

Trong khi đó, Điện gió Trà Vinh V1-3 là dự án điện gió nearshore (gần bờ) đầu tiên FECON thử sức, đảm nhiệm thi công 12 móng trụ turbine, hệ cầu dẫn tại dự án với tổng chiều dài gần 4km, nối từ đất liền đến các turbine gió. Do đặc thù thi công trên biển, công tác vận chuyển thiết bị và thi công gặp nhiều khó khăn nhưng các hạng mục công việc vẫn về đích đúng tiến độ.

Ngoài ra, FECON còn đảm nhiệm vai trò tổng thầu CBoP tại các dự án Điện gió Thái Hòa (90MW), điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng (30MW), điện gió Lạc Hòa Hòa Đông (80MW)...

Ghi dấu tại Dự án giao thông trọng điểm Thủ đô: Hàm chui Lê Văn Lương - Vành đai 3 là dự án giao thông trọng điểm của Thủ đô, do FECON cùng Cienco 4 đảm nhiệm vai trò tổng thầu. Sau hơn 1 năm thi công, các hạng mục do FECON phụ trách được triển khai đúng kế hoạch. Với tiến độ hiện tại, Dự án có thể hoàn thành vào tháng 10/2022 theo kế hoạch, giúp giải quyết xung đột, ùn tắc tại nút giao Lê Văn Lương - Vành đai 3.

Xác lập vai trò tổng thầu dự án cấp 1 - mảng xây dựng dân dụng: Công ty cổ phần FECON trúng gói thầu thi công tòa nhà điều hành và nghiên cứu A9 (30 tầng) thuộc trường Đại học Phenikaa, đảm nhiệm thi công xây dựng toàn bộ phần hầm, kết cấu thân - kiến trúc, M&E với quy mô 30 tầng nổi và 1 tầng hầm, diện tích sàn 4 tầng khối đế là 1500m², 26 tầng điển hình là 800m².

Mặc dù phải tạm dừng thi công gần 2 tháng theo Chi thị 17, đầu tháng 12/2021, Dự án đã hoàn thành triển khai cất nóc, nhanh hơn kế hoạch đề ra 15 ngày, chứng minh năng lực thi công,

quản lý dự án của FECON trong lĩnh vực xây dựng nói chung, xây dựng dân dụng nói riêng.

3.2. Tình hình đầu tư dự án

Đầu năm 2021, Công ty Cổ phần đầu tư FECON (FECON INVEST) được thành lập là minh chứng cho quyết tâm tạo dựng một “hệ sinh thái” song song giữa thi công và đầu tư của FECON, nhằm tiến tới mục tiêu trở thành Nhà thầu, Nhà đầu tư uy tín sở hữu năng lực xuất sắc về nền móng và công trình ngầm. Công ty tiếp tục mảng đầu tư dự án năng lượng xanh, khu công nghiệp xanh và khu đô thị sinh thái.

Ngày 29/10/2021, Nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng do FECON Invest cùng liên danh Ecotech làm chủ đầu tư đã chính thức được công nhận vận hành thương mại (COD) sau hơn 1 năm triển khai. Nhà máy có công suất giai đoạn 1 là 30MW, tổng mức đầu tư hơn 1.420 tỉ đồng trên diện tích quy hoạch 7,5 ha trên đất liền, gồm 6 trụ turbine gió. Khi đi vào hoạt động, nhà máy sẽ cung cấp điện năng cho hệ thống điện quốc gia với sản lượng khoảng 97,5 triệu kWh/năm.

Cột mốc quan trọng này không chỉ giúp dự án chính thức được hưởng ưu đãi giá FIT theo quyết định của Chính phủ trong việc phát triển năng lượng tái tạo mà góp phần nổi dài danh mục dự án đầu tư của FECON nói chung và các dự án năng lượng sạch nói riêng. Điểm chung của các dự án là đều được phát triển vì mục tiêu ích nước lợi nhà, không chỉ góp phần phát triển doanh nghiệp mà còn góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của các địa phương và đất nước, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

3.3. Tình hình tài chính các công ty con, công ty liên kết:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Tên Công ty	Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu
I	Công ty con		
1	Công ty Cổ phần Thiết bị FECON	43,6	20,9
2	Công ty Cổ phần thi công cọc FECON số 1	366,5	45,6
3	Công ty Cổ phần cọc khoan và kết cấu ngầm FECON	139,5	3,0
4	Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON (trước là Công ty Cổ phần thi công cọc và xây dựng FECON)	223,7	62,5
5	FECON Trung Chính Myanmar	15,8	15,8
6	Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON	330,6	124,3
7	Trường THPT Ý Yên	8,5	7,8
8	Công ty Cổ phần Đầu tư FECON	871,1	620,2
9	Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON	517,0	303,6
10	Công ty Cổ phần FECON SOUTH	706,9	117,7

STT	Tên Công ty	Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu
11	Công ty Cổ phần Năng Lượng FECON	491,4	350,7
12	Công ty Cổ phần Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê	95,4	94,3
13	FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD	12,4	12,4
14	Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng	164,8	97,7
15	Công ty Cổ phần đầu tư năng lượng ECOTECH Việt Nam	395,9	299,7
16	Công ty TNHH MTV Nguồn Nhân Lực FECON	1,5	1,5
17	Công ty TNHH MTV Thi công đường bộ FCI	40,7	24,5
18	Công ty Cổ phần FECON Miltec	17,2	6,9
19	Công ty TNHH Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng	1.353,7	428,2
II	Công ty liên kết		
1	Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hào 6	1.105,6	342,2
2	Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật tiên tiến Raito - FECON	210,8	39,4
3	Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune	24,2	-2,8
4	Công ty Cổ phần Nguồn Nhân lực Thanh Giang FECON	1,9	1,7

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	6.780.114.722.870	7.495.704.578.583	10,55
2	Doanh thu thuần	3.154.193.828.244	3.484.219.388.593	10,46
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	175.142.391.662	111.051.644.600	(36,59)
4	Lợi nhuận khác	(6.953.433.643)	(1.233.813.393)	(82,26)
5	Lợi nhuận trước thuế	168.188.958.019	109.817.831.207	(34,71)
6	Lợi nhuận sau thuế	133.585.173.124	70.781.785.768	(47,01)
7	Tỷ lệ cổ tức (%)	3% (bằng tiền)	(*)	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2021)

Tổng Tài sản của Công ty năm 2021 tăng trưởng 10,55% so với năm trước, đạt 7.496 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất trong năm đạt 71 tỷ, giảm 47,01% so với cùng kỳ, tuy vậy kết quả trên tương đối khả quan trong bối cảnh ngành xây dựng chịu ảnh hưởng kép của dịch bệnh Covid-19 và sự tăng giá mạnh của nguyên vật liệu. Mặc dù lợi nhuận giảm nhưng Công ty vẫn nỗ lực để duy trì tỷ lệ cổ tức bằng tỷ lệ cổ tức năm 2020 (**). Hội đồng quản trị đã gửi Tờ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 phê duyệt tỷ lệ trả cổ tức năm 2021 là 3% (bằng tiền).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2020	Năm 2021
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	lần	1,43	1,50
2	Hệ số thanh toán nhanh ((Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	lần	1,16	1,01
3	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,63	0,61
4	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	1,71	1,56
5	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	3,15	2,24
6	Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	0,51	0,49
7	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,2%	2,0%
8	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	5,4%	2,6%
9	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,1%	1,0%
10	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,6%	3,2%

Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh năm 2021 đều đạt lớn hơn 1 thể hiện khả năng thanh toán tốt của Công ty. Hệ số Nợ/Tổng tài sản và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm nhẹ so với năm trước do Công ty sử dụng một phần nguồn vốn thu được từ đợt phát hành riêng lẻ 32 triệu cổ phiếu trong năm 2021 để giảm bớt tỷ trọng vay vốn ngân hàng từ đó giảm chi phí lãi vay và áp lực trả gốc, lãi ngân hàng trong thời gian tới. Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 3,15 xuống 2,24 trong năm 2021 do một phần sản lượng thi công của Công ty chưa được chủ đầu tư/nhà thầu chính nghiệm thu. Công ty đang tích cực triển khai các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ nghiệm thu, theo đó giảm tỷ trọng giá trị hàng tồn kho trên tổng tài sản.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

STT	Nội dung	Số lượng
1	Số lượng cổ phần đang lưu hành	157.439.005
2	Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng	125.439.005
3	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	32.000.000
	Tổng số	157.439.005

5.2. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông công ty

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Cổ phần tương ứng	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông trong nước	23.834	106.879.866	1.068.798.660.000	67,9%
	Cổ đông là tổ chức	68	16.533.168	165.331.680.000	10,5%
	Cổ đông là cá nhân	23.766	90.346.698	903.466.980.000	57,4%
	Cổ đông nhà nước	0	0	0	0%
2	Cổ đông nước ngoài	156	50.559.139	505.591.390.000	32,1%
	Cổ đông là tổ chức	24	49.989.478	499.894.780.000	31,8%
	Cổ đông là cá nhân	132	569.661	5.696.610.000	0,4%
	Tổng cộng	23.990	157.439.005	1.574.390.050.000	100%

(Theo danh sách cổ đông chốt ngày 30/03/2022)

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2021

TT	Tên cổ đông	Số đăng ký sở hữu	Ngày cấp	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu
1	CÔNG TY CỔ PHẦN RAITO KOGYO	CB9736	06/03/2019	40.167.682	25,51%
2	QUỸ ĐẦU TƯ HẠ TẦNG RED ONE	41/GCN-UBCK	01/11/2021	16.000.000	10,16%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại 31/12/2021: 75%.

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Khép lại năm 2021, FECON thực hiện thành công việc phát hành 32 triệu cổ phiếu cho hai nhà đầu tư là Quỹ đầu tư hạ tầng Red One và Công ty CP Raito Kogyo, góp phần tăng vốn điều lệ của FECON từ 1.254 tỷ đồng lên 1.574 tỷ đồng. Hai nhà đầu tư này được xem là hai

mảnh ghép hoàn hảo cho FECON thực hiện thành công chiến lược 2020-2025, trong khi Raito Kogyo là nhà đầu tư cùng ngành sở hữu các công nghệ hàng đầu Nhật Bản về nền móng, công trình ngầm và hạ tầng, thì Red One là mảnh ghép mạnh về tài chính sở hữu mạng lưới đối tác tài chính quốc tế hùng hậu.

STT	Thời điểm thay đổi	Vốn điều lệ (VNĐ)	Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Ghi chú
1	18/06/2004	5.000.000.000	5.000	Cổ phần phổ thông	Mệnh giá: 1.000.000 đồng
2	30/06/2006	10.000.000.000	10.000	Cổ phần phổ thông	
3	10/08/2007	50.000.000.000	5.000.000	Cổ phần phổ thông	Mệnh giá: 10.000 đồng
4	16/09/2009	88.000.000.000	8.800.000	Cổ phần phổ thông	
5	17/11/2010	107.000.000.000	10.700.000	Cổ phần phổ thông	
6	04/11/2011	128.400.000.000	12.840.000	Cổ phần phổ thông	
7	17/05/2012	138.051.620.000	13.805.162	Cổ phần phổ thông	
8	18/04/2013	165.663.280.000	16.566.328	Cổ phần phổ thông	
9	18/10/2013	397.591.180.000	39.759.118	Cổ phần phổ thông	
10	18/06/2014	457.228.540.000	45.722.854	Cổ phần phổ thông	
11	18/11/2016	477.228.540.000	47.722.854	Cổ phần phổ thông	
12	10/3/2017	494.994.220.000	49.499.422	Cổ phần phổ thông	
13	28/7/2017	543.529.160.000	54.352.916	Cổ phần phổ thông	
14	10/4/2018	873.529.160.000	87.352.916	Cổ phần phổ thông	
15	12/6/2018	898.529.160.000	89.852.916	Cổ phần phổ thông	
16	12/12/2018	943.445.620.000	94.344.562	Cổ phần phổ thông	
17	10/06/2019	1.138.477.420.000	113.847.742	Cổ phần phổ thông	
18	17/10/2019	1.195.388.930.000	119.538.893	Cổ phần phổ thông	
19	25/01/2021	1.254.390.050.000	125.439.005	Cổ phần phổ thông	
20	14/01/2022	1.574.390.050.000	157.439.005	Cổ phần phổ thông	

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Công ty đã thực hiện giao dịch bán cổ phiếu quỹ trong năm 2021 với thông tin cụ thể như sau:

- Thời gian giao dịch: Từ ngày 07/01 - 01/02/2021
- Số lượng cổ phiếu quỹ đã bán: 1.509.570 cổ phiếu
- Giá giao dịch bình quân: 13.105 đồng/cổ phiếu
- Phương thức giao dịch: Khớp lệnh/Thỏa thuận

5.5. Các chứng khoán khác

Công ty thực hiện 01 đợt phát hành trái phiếu trong năm 2021 với thông tin cụ thể như sau:

- Tổng số lượng trái phiếu phát hành: 95.000 Trái phiếu

- Tổng giá trị trái phiếu phát hành: 95.000.000.000 đồng
- Loại hình trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản bảo đảm và được bảo lãnh thanh toán, có kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, không phải là nợ thứ cấp của Tổ chức phát hành.
- Kỳ hạn: Tối đa 24 tháng kể từ ngày phát hành
- Ngày phát hành: 15/06/2021
- Ngày đáo hạn: 15/06/2023
- Mục đích phát hành:

Thực hiện chương trình, dự án đầu tư của Tổ Chức Phát Hành.

Cụ thể: Tổ Chức Phát Hành hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Ecotech Việt Nam (“Ecotech”) theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HĐ/FCN-ECO ngày 19 tháng 05 năm 2021 ký giữa Tổ Chức Phát Hành và Ecotech và các phụ lục sửa đổi, bổ sung (**Hợp Đồng Hợp Tác Kinh Doanh 1**) để cùng hợp tác thực hiện dự án với Công ty TNHH điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng (“**Quốc Vinh Sóc Trăng**”), theo đó Ecotech đại diện cho cả Tổ Chức Phát Hành và Ecotech để hợp tác kinh doanh với Quốc Vinh Sóc Trăng để thực hiện dự án điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng: (i) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2021/HĐ/ECO-QVST ngày 21 tháng 05 năm 2021 ký giữa Ecotech (Đại diện cho cả Tổ Chức Phát Hành và Ecotech) và Quốc Vinh Sóc Trăng cùng các phụ lục sửa đổi, bổ sung (“**Hợp Đồng Hợp Tác Kinh Doanh 2**”); và (ii) Góp vốn vào Quốc Vinh Sóc Trăng.”

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường

Công ty luôn tập trung và chú trọng trong việc tuyên truyền về cách thức bảo vệ môi trường đối với cán bộ nhân viên trong Công ty đặc biệt từ những việc nhỏ như phân loại rác thải để tái chế, sử dụng tiết kiệm năng lượng, điện, nước, hạn chế sử dụng túi nilon, lựa chọn sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường... Từ những hành động, việc làm như vậy sẽ góp phần hình thành lối sống tích cực trong cộng đồng cán bộ nhân viên (“CBNV”) trong Công ty nói riêng và xã hội nói chung.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

Công ty đặc biệt quan tâm và chú trọng đến việc tiết kiệm năng lượng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty luôn nêu cao tinh thần và ý thức tuyên truyền trong hệ thống CBNV về việc giảm thiểu và tiết kiệm năng lượng, tận dụng các nguồn năng lượng tự nhiên và năng lượng tái chế để góp phần bảo vệ môi trường.

6.3. Tiêu thụ nước

Tiết kiệm tiêu thụ nước cũng luôn là một trong những vấn đề được Công ty chú trọng. Công ty thường xuyên nêu cao khẩu hiệu tránh lãng phí nguồn nước sạch trong hệ thống CBNV.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động tại thời điểm 31/12/2021 là: 1.569 lao động.

“Con người là tài sản quý giá nhất” luôn là kim chỉ nam của FECON từ khi thành lập đến nay.

Năm 2021, đứng trước nguy cơ dịch bệnh đe dọa sức khỏe, tính mạng của CBNV, FECON đã sớm chủ động tìm kiếm nguồn vaccine và tổ chức tiêm chủng cho CBNV trên toàn hệ thống. Theo đó, đến tháng 12/2021 hầu hết người lao động FECON đã được tiêm đủ 2 mũi vaccine. Đây là hoạt động mang tính nhân văn sâu sắc thể hiện sự quan tâm, chăm lo của ban lãnh đạo Công ty tới sức khỏe, an toàn của CBNV FECON trong bối cảnh chống dịch quyết liệt của Chính phủ.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn dịch bệnh diễn biến phức tạp, FECON đã đưa ra chính sách nhân sự hợp lý, đặc biệt là chính sách lương thưởng để đảm bảo cuộc sống cho CBNV và gia đình. Điều này đã góp phần không nhỏ trong việc ổn định nhân sự cho Công ty để sẵn sàng khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh sau dịch, mà còn cho thấy sự đồng hành tích cực của doanh nghiệp đối với Chính phủ trong công tác đảm bảo ổn định an sinh xã hội giữa đại dịch Covid 19.

Hoạt động đào tạo, phát triển nguồn nhân lực vẫn được triển khai một cách linh hoạt trong năm 2021. Tiêu biểu nhất là Chương trình FECON Leader Foundation 2021 (FLF 2021) được thiết kế dành riêng cho quản lý cấp trung của FECON - một trong những chiến lược phát triển nguồn nhân lực công ty, nhằm mang đến những tri thức quản trị tinh hoa, vừa giúp học viên nâng cao năng lực/tư duy quản lý, vừa có thể áp dụng để giải quyết các vấn đề hiện hữu của công ty.

Với những nỗ lực tạo dựng cho người lao động, FECON đã đạt được nhiều giải thưởng giá trị trong lĩnh vực tuyển dụng nhân sự, tiêu biểu như Top 6 “Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2021” ngành Xây dựng/Kiến trúc, Top 50 Doanh nghiệp Việt có thương hiệu tuyển dụng hấp dẫn...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Mặc dù đại dịch Covid-19 kéo dài gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của FECON, tuy nhiên Tập đoàn vẫn thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp thông qua việc đồng hành cùng các địa phương bằng các hoạt động thiết thực tổ chức như: Chương trình thăm khám, cấp phát thuốc miễn phí và tặng quà cho người dân tại thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; Chung tay vào công tác phòng, chống dịch tại tỉnh Bắc Giang; Ủng hộ người dân chịu ảnh hưởng của bão lũ tại tỉnh Quảng Bình, chương trình tình nguyện “Áo ấm mùa đông” tại huyện Hoàng Su Phì tỉnh Hà Giang...

Bên cạnh đó, FECON còn đồng hành cùng ban nhạc Bức Tường trong liveshow “Trở

về”, để cùng lan tỏa nhiều hơn nữa nguồn năng lượng tích cực tới cộng đồng, truyền cảm hứng đến giới trẻ - Hãy dám mơ ước, sống lạc quan và cống hiến nhiều hơn nữa những điều tốt đẹp cho cuộc đời này, chúng ta sẽ nhận lại muôn vàn yêu thương.

Với FECON, doanh nghiệp luôn hướng đến việc phát triển thế hệ trẻ, để khơi dậy niềm đam mê cũng như tinh thần sống tích cực. Trước đó, từ năm 2013-2017, FECON đã đồng hành cùng liên đoàn Võ cổ truyền Việt Nam, với mong muốn góp phần gìn giữ phát huy bản sắc dân tộc, cổ vũ phong trào đào tạo Võ cổ truyền trong nhà trường như một môn thể thao được ưa thích của giới học sinh, sinh viên. Thông qua đó, thế hệ trẻ Việt Nam sẽ rèn luyện được cho mình bản lĩnh chiến đấu, vượt qua khó khăn trong mọi hoàn cảnh để tự lập và phát triển bền vững.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2021 tiếp tục là một năm khó khăn của cộng đồng doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp xây lắp nói riêng khi vừa phải đối mặt với những tác động của đại dịch Covid-19, vừa phải chống đỡ “con bão giá” nguyên vật liệu xây dựng chưa từng thấy. Đây được coi là “phép thử” sức đề kháng, sự linh hoạt và nhạy bén cho các doanh nghiệp.

Nổi tiếp đà tăng trưởng năm 2020, FECON tiếp tục ghi nhận kết quả tăng trưởng kinh doanh năm 2021 với 3.484 tỷ đồng doanh thu tăng trưởng 10% trong bối cảnh đầy khó khăn và thách thức.

Năm 2021 cũng là lần thứ 4 liên tiếp FECON lọt Top 10 nhà thầu xây dựng uy tín với vị trí thứ 6 trên bảng xếp hạng, tăng 4 bậc so với năm 2020.

Những thành quả đạt được cho thấy vị thế FECON ngày càng được khẳng định trên thị trường xây dựng, sẵn sàng đón nhận các cơ hội lớn trong giai đoạn phục hồi kinh tế hậu Covid-19.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Biến động tài sản của Công ty

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	5.557.412.775.682	5.062.620.383.406	(8,9)
Tài sản dài hạn	1.222.701.947.188	2.433.084.195.177	98,9
Tổng tài sản	6.780.114.722.870	7.495.704.578.583	10,6

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021)

Tài sản ngắn hạn trong kỳ giảm 495 tỷ (-8,9%) chủ yếu do Phải thu ngắn hạn của khách hàng và Trả trước cho người bán ngắn hạn giảm lần lượt 606 tỷ (-22,8%) và 447 tỷ (-72,0%). Tiến độ thu tiền khách hàng của các dự án lớn của Công ty trong năm 2021 rất khả quan đã giúp giảm số dư Phải thu ngắn hạn của khách hàng. Ở chiều ngược lại, Hàng tồn kho tăng thêm 633 tỷ (+61,7%) do một số hạng mục sản lượng thi công của Công ty chưa được chủ đầu tư/nhà thầu chính nghiệm thu. Công ty đang tích cực triển khai các giải pháp đẩy mạnh tiến độ

nghiệm thu để giảm giá trị hàng tồn kho, đẩy nhanh tiến độ thu hồi vốn.

Tài sản dài hạn trong kỳ tăng mạnh 1.210 tỷ (+98,9%) chủ yếu do hợp nhất báo cáo tài chính của đơn vị thành viên là Công ty Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng – chủ đầu tư Dự án Nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng với công suất 30 Mw, tổng mức đầu tư khoảng 1.400 tỷ đồng.

b) Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	% Tăng/giảm
Nợ ngắn hạn	3.896.088.221.242	3.365.479.978.631	(13,6)
Nợ dài hạn	381.112.007.782	1.201.043.299.905	215,1
Nợ phải trả	4.277.200.229.024	4.566.523.278.536	6,8

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021)

Nợ ngắn hạn trong kỳ giảm 531 tỷ (-13,6%) chủ yếu do Chi phí phải trả ngắn hạn giảm 533 tỷ (-53,3%) do tại thời điểm 31/12/2021 nhiều dự án lớn của Công ty đã cơ bản hoàn thành, Công ty đã thực hiện thanh toán cho các thầu phụ, nhà cung cấp. Ở chiều ngược lại, Vay ngắn hạn trong kỳ giảm 111 tỷ (-9,1%) chủ yếu do Công ty sử dụng một phần nguồn vốn thu được từ đợt phát hành riêng lẻ 32 triệu cổ phiếu trong Quý 4/2021 để thanh toán dư nợ ngân hàng nhằm giảm chi phí tài chính và áp lực trả gốc, lãi vay trong thời gian tới.

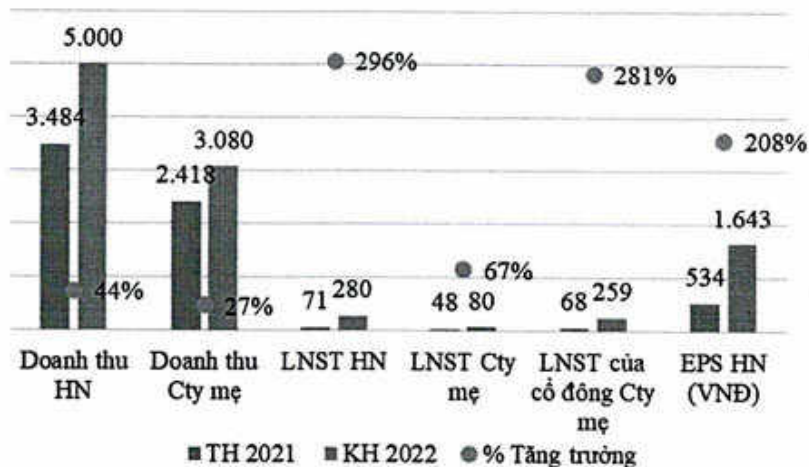
Nợ dài hạn trong kỳ tăng mạnh chủ yếu do Vay dài hạn trong kỳ tăng 766 tỷ (+204,5%) nguyên nhân chính do Công ty hợp nhất khoản vay dài hạn của đơn vị thành viên là Công ty Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng tại Dự án điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đang từng bước hoàn thiện cấu trúc doanh nghiệp theo định hướng chiến lược Tập đoàn 2020-2025; Nội bật là việc tái cấu trúc các công ty thành viên, tái cơ cấu Ban Phát triển dự án, Ban Cung ứng, Văn phòng phía Nam và thành lập Ban Quản lý chi phí và giá thành.

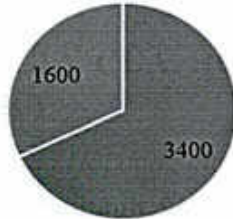
4. Kế hoạch kinh doanh năm 2022

Kế hoạch kinh doanh năm 2022 (tỷ đồng)



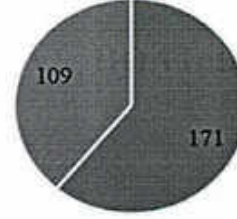
Kế hoạch kinh doanh theo mảng (tỷ đồng)

Doanh thu Hợp nhất 2022



- Nền móng và xây dựng
- Hạ tầng và Công trình ngầm

Lợi nhuận sau thuế Hợp nhất 2022



- LNST từ hoạt động thi công
- LNST từ hoạt động đầu tư

5. *Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán*

Không có.

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty*

Như nội dung trình bày tại Mục II.6 của Báo cáo này.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*

Công tác điều hành & tổ chức

Hoạt động điều hành Công ty được thực hiện theo đúng Nghị quyết của ĐHCĐ, của HĐQT và đảm bảo tính ổn định trước bối cảnh còn nhiều khó khăn của nền kinh tế và tình trạng giãn cách xã hội do dịch bệnh.

Trong năm 2021, Công ty đã tập trung phát triển các mảng kinh doanh chính và đẩy mạnh các công tác quản trị tập trung Tập đoàn các chức năng: phát triển kinh doanh, cung ứng, tài chính, quản trị nhân sự, quản trị thương hiệu và khoa học công nghệ... Đồng thời, FECON đang từng bước thực hiện việc tái cấu trúc các công ty thành viên để tập trung nguồn lực và tăng cường năng lực cạnh tranh trong các phân khúc thị trường đã được lựa chọn. Việc tái cơ cấu Công ty cổ phần Hạ tầng FECON trở thành Tổng công ty đầu tư FECON (“FECON Invest”) là một trong những quyết định mạnh mẽ để hiện thực hóa chiến lược này. Bên cạnh đó, hệ thống công cụ lập kế hoạch chiến lược và quản trị mục tiêu OGSM (Objective – Goal – Strategy – Measure) cũng đã được áp dụng tại Công ty mẹ từ sáu tháng cuối năm 2021 để tăng cường quản lý kế hoạch kinh doanh và nâng cao hiệu quả quản trị, khắc phục được những hạn chế mà hệ thống BSC/KPIs đã triển khai trong những năm vừa qua.

Hoạt động kinh doanh

Năm 2021 vẫn là năm nền kinh tế thế giới nói chung cũng như nền kinh tế Việt Nam nói riêng tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid 19. FECON không nằm ngoài sự ảnh hưởng này tuy nhiên Công ty vẫn duy trì được vị thế và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết thúc năm 2021, Vốn điều lệ của FECON là: 1.574 tỷ đồng, Tổng tài sản là 7.496 tỷ

đồng. Doanh thu hợp nhất và lợi nhuận sau thuế hợp nhất ghi nhận trong năm 2021 lần lượt là 3.484 tỷ đồng và 71 tỷ đồng. Trong bối cảnh khó khăn, Công ty vẫn đảm bảo được lợi ích của Cổ đông và người lao động trong công ty. Các công trình do FECON thi công và đầu tư được đảm bảo yêu cầu về chất lượng, tiến độ và an toàn, luôn được Chủ đầu tư đánh giá cao và ngày càng khắc sâu hình ảnh FECON là Nhà thầu chuyên nghiệp và Nhà đầu tư uy tín trên thị trường.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành*

Mặc dù, doanh thu và lợi nhuận còn khá khiêm tốn so với kỳ vọng của cổ đông nhưng Ban Điều hành và các cán bộ quản lý của Tập đoàn đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ được ĐHCĐ và HĐQT giao phó, bao gồm:

Đối với công tác vận hành tổ chức: Nhìn chung, Ban điều hành đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có sự phân công phân nhiệm rõ ràng, duy trì các buổi họp giao ban định kỳ, các chỉ đạo đưa ra kịp thời và hiệu quả. Trong quá trình quản lý điều hành, Ban Điều hành và các cán bộ phận quản lý của Tập đoàn đã tuân thủ đúng phân cấp thẩm quyền tại Điều lệ, quy chế quản trị, các quy chế nội bộ cũng như quyết định của HĐQT.

Đối với công tác phát triển kinh doanh: Duy trì vị thế dẫn đầu của mảng kinh doanh cốt lõi là nền móng & ngà, từng bước chuyển dịch sang mô hình nhà thầu chính/tổng thầu mảng xây dựng công nghiệp và hạ tầng nói chung; đã cùng với đối tác chiến lược bước ra thị trường khu vực bằng các năng lực sở trường của công ty. Các thành viên Ban tổng giám đốc đã phát huy tốt uy tín công ty và mối quan hệ của mình để phát triển thành công các dự án theo mảng phụ trách. Các cuộc họp phát triển kinh doanh được tổ chức định kỳ hàng tháng bài bản hơn, các dự án theo đuổi được rà soát kỹ lưỡng hơn, nâng cao tỷ lệ trúng thầu trong năm.

Đối với công tác quản lý dự án: Mặc dù chịu tác động kép của đại dịch và bão giá vật liệu xây dựng nhưng tỷ suất lợi nhuận gộp vẫn đạt ở mức 13,5% trong năm 2021 đã thể hiện hiệu quả của các biện pháp kiểm soát chi phí dự án bên cạnh việc tối đa hoá các ứng dụng công nghệ, tối ưu hóa biện pháp thi công. Công tác cung ứng mặc dù chưa đáp ứng hoàn toàn yêu cầu công việc nhưng cũng đang từng bước được cải thiện bằng việc được tái cơ cấu và bổ sung nguồn lực quản lý cung ứng dự án tổng thầu. Hệ thống quản trị cung ứng tập trung cần phải được TGD chú trọng hoàn thiện trong năm 2022 và đẩy mạnh triển khai đấu thầu E-Bidding trên phạm vi toàn Tập đoàn để kiểm soát chặt chẽ công tác cung ứng từ công ty mẹ đến các công ty thành viên.

Đối với hoạt động tài chính: Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn do điều kiện kinh tế và dịch bệnh nói chung, dẫn tới công tác quản trị tài chính của Công ty gặp nhiều thách thức, nhưng Ban Điều hành đã rất tích cực trong công tác thu hồi công nợ, hạn chế phát sinh công nợ khó đòi, thúc đẩy dòng tiền từ các dự án, thể hiện qua số dư công nợ giảm đáng kể so với cùng kỳ năm 2020 và FECON luôn duy trì xếp hạng tín dụng tốt với các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, việc thành lập Ban quản lý chi phí và giá thành cùng với sự tham gia của Ban Kiểm soát nội bộ trong công tác quản lý chi phí dự án bước đầu đã phát huy được hiệu quả. Công tác quản trị tài chính Tập đoàn nhìn chung đã có nhiều cố gắng nhưng vẫn cần cải thiện tích cực hơn nữa để đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty, cụ thể là việc quản lý tài chính các công ty thành viên trong tập

đoàn cùng với việc hỗ trợ kịp thời cho mảng tài chính đầu tư.

Đặt trong bối cảnh thị trường còn nhiều khó khăn, HĐQT ghi nhận kết quả mà Ban điều hành đã đạt được trong năm qua. Ban Điều hành cần phải nỗ lực hơn nữa trong công tác phối hợp cấp cao, huy động tối ưu các nguồn lực, cùng cố phát huy điểm mạnh trong phát triển kinh doanh, khắc phục mọi hạn chế trong quản lý hiệu quả dự án. Đồng thời nâng cao tinh thần tự giác kỷ luật, nêu gương trong quản trị minh bạch để phát triển tổ chức theo hướng văn minh & chuyên nghiệp.

3. Các định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2022

Trong bối cảnh dịch covid -19 vẫn đang diễn biến phức tạp, HĐQT đã xây dựng các kịch bản ứng phó với các tác động của dịch bệnh, cùng cố và duy trì sự phát triển ổn định của FECON, tích lũy nội lực để tạo đà tăng trưởng trong tương lai ngay sau khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát.

Để hoàn thành tốt những mục tiêu đã đề ra, HĐQT cùng Ban điều hành Công ty triển khai các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tái cấu trúc và nâng cao chất lượng hoạt động của HĐQT, tăng số lượng thành viên HĐQT chuyên trách để giúp công tác điều hành hiệu quả hơn
- Tái cấu trúc các Công ty thành viên theo hướng tinh gọn để tập trung nguồn lực cho hoạt động kinh doanh cốt lõi, tăng cường năng lực cạnh tranh cho FECON.
- Chỉ đạo, phê duyệt và đôn đốc Ban điều hành công ty xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh doanh chi tiết 2022 đảm bảo đạt được các mục tiêu tài chính đã đề ra và cùng cố phát triển Tập đoàn FECON theo hướng bền vững, chất lượng và hiệu quả.
- Nâng cao tỷ trọng doanh thu các mảng kinh doanh chiến lược, đặc biệt là hiện thực hóa các cơ hội đầu tư dự án, đóng góp lợi nhuận chính cho Tập đoàn;
- Phát triển thương hiệu và xây dựng hình ảnh Nhà thầu chuyên nghiệp, cung cấp giải pháp tổng thể tối ưu, quản lý dự án chuyên nghiệp theo chuẩn quốc tế;
- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý dự án thông qua việc hoàn thiện hệ thống cung ứng tập trung và đẩy mạnh kiểm soát chi phí và giá thành.
- Nâng cao hiệu quả quản trị tài chính tập đoàn.
- Hoàn thiện và thực thi các chương trình phát triển văn hóa doanh nghiệp, sáng kiến cải tiến, chính sách đãi ngộ, khuyến khích nâng cao năng suất và trả lương theo hiệu quả quản lý.
- Đẩy mạnh khai thác ứng dụng công nghệ thông tin (4.0) trong công tác quản lý dự án và quản trị doanh nghiệp.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh	Chuyên trách	Không điều hành	Độc lập	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (%)	Sở hữu các chứng khoán khác do Công ty phát hành	Số lượng chức danh TV HĐQT, chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác
1	Phạm Việt Khoa	Chủ tịch	✓			3,18	Không	2
2	Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch	✓			0,07	Không	1
3	Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch thường trực	✓			0,4	Không	4
4	Satoyuki Yamane	Ủy viên		✓		0	Không	1
5	Hà Thế Lộng	Ủy viên		✓		0,3	Không	2
6	Phùng Tiến Trung	Ủy viên		✓		0,15	Không	3
7	Phạm Trung Thành	Ủy viên			✓	0	Không	1
8	Nguyễn Hữu Thái Hòa	Ủy viên			✓	0	Không	1
9	Nguyễn Song Thanh	Ủy viên			✓	0,001	Không	1

b) Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị

Thường trực Hội đồng quản trị, gồm các thành viên sau:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Phạm Việt Khoa	Chủ tịch HĐQT
2	Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực

Thường trực HĐQT được thành lập theo Nghị quyết số 23A/2019/NQ-HĐQT.FECON của HĐQT ngày 27 tháng 04 năm 2019, là cơ quan được HĐQT giao nhiệm vụ để giải quyết và phê duyệt kịp thời một số vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phục vụ công tác chỉ đạo giám sát điều hành hàng ngày, chịu trách nhiệm trước HĐQT về các hoạt động trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được ủy quyền. Thường trực HĐQT năm 2021 đã triển khai công việc hiệu quả, phối hợp với Ban Điều hành đáp ứng được kịp thời yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của HĐQT trong năm tuân thủ theo đúng chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty. Năm 2021, HĐQT tổ chức 04 cuộc họp định kỳ và các cuộc họp bất thường để giám sát Ban Điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT và đưa ra chủ trương về đầu tư kinh doanh, tái cấu trúc bộ máy, các nhiệm vụ tổ chức nhân sự quan trọng và các hoạt động vận hành khác với các nội dung chính như sau:

Thời gian	Nội dung
Quý I/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ 2021 - Thông qua chủ trương nghiên cứu, phát triển một số dự án đầu tư - Thông qua chủ trương tái cấu trúc mảng đầu tư - Bổ nhiệm, miễn nhiệm một số vị trí trưởng Ban
Quý II/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Thôi giữ chức vụ PTGD CTCP FECON và bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư FECON đối với ông Muôn Văn Chiến - Thôi giữ chức vụ PTGD CTCP FECON đối với ông Phạm Quốc Hùng và bổ nhiệm vị trí PTGD Công ty cổ phần Đầu tư FECON đối với ông Phạm Quốc Hùng - Thôi giữ chức vụ Giám đốc đầu tư đối với ông Nguyễn Hoàng Long - Thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng giao dịch với Công ty cổ phần Khoáng Sản FECON - Thông qua việc chuyển nhượng cổ phần CTCP Năng lượng FECON cho Công ty cổ phần Đầu tư FECON - Phê duyệt kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021 - Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2021 lần 1
Quý III/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT - Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty - Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần FECON - Ban hành Quy chế quản trị công nghệ thông tin tập trung - Ban hành Quy chế quản lý máy móc thiết bị tập trung - Phê duyệt giao dịch giữa Công ty và người nội bộ - Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2021 - Chấm dứt hoạt động Trung tâm nguồn nhân lực FECON - Chỉ định và thay đổi người đại diện vốn tại các công ty thành viên
Quý IV/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Phê duyệt trả cổ tức 2020 bằng tiền - Thôi giữ chức vụ PTGD đối với ông Đoàn Lam Trà - Ban hành Quy chế quản trị thông tin truyền thông tập đoàn - Ban hành Quy chế quản lý kỹ thuật tập trung - Ban hành Quy chế quản lý an toàn lao động tập trung - Bổ nhiệm, miễn nhiệm một số vị trí Trưởng Ban

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập (không điều hành)

Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành đều tham dự đầy đủ các buổi họp của HĐQT và đóng góp nhiều ý kiến khách quan, thiết thực trong công tác quản trị Công ty cũng như việc ra quyết định của HĐQT. Các hoạt động của các thành viên HĐQT không điều hành trong năm như sau:

- *Về chiến lược:* Đóng góp tích cực vào việc xây dựng chiến lược và kế hoạch trung hạn của Công ty giai đoạn 2022-2025, đặc biệt Ông Nguyễn Hữu Thái Hòa - người có kinh nghiệm nhiều năm trong mảng xây dựng chiến lược tại các doanh nghiệp lớn, đã trực tiếp tham gia Ủy ban chiến lược của Công ty, đồng hành cùng đội ngũ Lãnh đạo chủ

chốt trong suốt quá trình triển khai chiến lược;

- *Về kiểm soát hoạt động của Ban Điều hành:* Các thành viên đã xem xét kỹ lưỡng các kế hoạch, kết quả hoạt động của Ban Điều hành trong các hoạt động quản trị điều hành hướng tới các mục tiêu đề ra và tích cực giám sát việc báo cáo kết quả hoạt động. Đặc biệt công tác đầu tư dự án, các thành viên HĐQT độc lập đã cho ý kiến đầy trách nhiệm, có tính phân biện vào tất cả các dự án và ý tưởng đầu tư;
- *Về kiểm soát rủi ro:* Các thành viên giúp kiểm tra để đảm bảo các thông tin tài chính được công bố là minh bạch, các kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư dự án được phân tích hiệu quả cẩn thận trước khi triển khai. Đồng thời các thành viên HĐQT độc lập cũng mang đến cái nhìn khách quan đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần gia tăng hiệu quả kiểm soát và quản trị rủi ro cho Công ty; và
- *Về nhân sự:* Các thành viên HĐQT độc lập đã cùng với các thành viên HĐQT điều hành, đóng góp một cách có trách nhiệm trong việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức công ty và các công tác quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm và đào tạo cán bộ quản lý cấp cao.

e) *Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty*

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty đã có chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty là 06 thành viên, bao gồm: Ông Phạm Việt Khoa, Ông Hà Thế Phương, Ông Trần Trọng Thắng, Ông Hà Thế Lộng, Ông Phạm Trung Thành và Ông Phùng Tiến Trung.

Ngoài ra, trong năm 2021, các thành viên Hội đồng quản trị và cán bộ quản lý khác của Công ty cũng được tham gia các khóa đào tạo nội bộ thường kỳ liên quan đến kỹ năng quản lý và hoạt động của Công ty. Các hoạt động này không chỉ cung cấp những kỹ năng mới, nâng cao tính chuyên nghiệp mà còn giúp nâng cao nhận thức về các giá trị nền tảng của công việc giúp việc quản trị Công ty hiệu quả hơn.

2. *Ban kiểm soát*

a) *Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát*

1.	Phạm Thị Hồng Nhung	- Trưởng Ban Kiểm soát
2.	Trần Công Tráng	- Thành viên Ban Kiểm soát
3.	Nguyễn Tiến Thành	- Thành viên Ban Kiểm soát

b) *Hoạt động của Ban kiểm soát*

Năm 2021 đánh dấu sự chuyển dịch mạnh mẽ của Tập đoàn với chiến lược mới. Ban Kiểm soát (BKS) đã tăng cường hoạt động kiểm tra, kiểm soát, phối hợp với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc bám sát quá trình triển khai và đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT. BKS tham gia giám sát công tác kiểm toán, kiểm soát nội bộ tại Công ty mẹ cũng như ở các đơn vị thành viên trong hệ thống, đảm bảo các hoạt động vận hành, sản xuất kinh doanh tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và các quy định của Tập đoàn.

Năm 2021, BKS đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ hàng quý với các nội dung chính như sau:

Thời gian	Số thành viên tham dự	Nội dung
Quý I/2021	03/03	<ul style="list-style-type: none"> • Thẩm định Báo cáo tài chính Công ty Mẹ và Báo cáo hợp nhất Tập đoàn năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020. • Tổng kết hoạt động của BKS 2020, lập kế hoạch hoạt động 2021. • Thảo luận, thống nhất danh sách đề cử danh sách đơn vị kiểm toán độc lập năm 2021.

Thời gian	Số thành viên tham dự	Nội dung
Quý II/2021	03/03	<ul style="list-style-type: none"> Thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/03/2021. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2021. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro Tập đoàn.
Quý III/2021	03/03	<ul style="list-style-type: none"> Thẩm định Báo cáo tài chính tài chính Công ty Mẹ và Báo cáo hợp nhất Tập đoàn 6 tháng đầu năm 2021. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ giai đoạn 6 tháng đầu năm 2021.
Quý IV/2021	03/03	<ul style="list-style-type: none"> Thẩm định báo cáo tài chính Công ty Mẹ và Báo cáo hợp nhất Tập đoàn năm tài chính kết thúc vào ngày 30/09/2021; Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ giai đoạn 9 tháng đầu năm 2021; Tổng kết sơ bộ hoạt động của BKS năm 2021, lập kế hoạch hoạt động năm 2022.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát năm 2021 như sau:

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Giá trị (VNĐ)
I	Hội đồng quản trị		
1	Phạm Việt Khoa	Chủ tịch	2.327.559.204
2	Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch	1.335.138.465
3	Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch TT	1.307.778.976
4	Nguyễn Hữu Thái Hòa	Ủy viên	399.999.996
5	Hà Thế Lộng	Ủy viên	399.999.996
6	Nguyễn Song Thanh	Ủy viên	399.999.996
7	Phùng Tiến Trung	Ủy viên	399.999.996
8	Phạm Trung Thành	Ủy viên	399.999.996
9	Satoyuki Yamane	Ủy viên	450.000.000
II	Ban Kiểm soát		
1	Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng Ban	1.532.675.134
2	Trần Công Tráng	Thành viên	379.054.377
3	Nguyễn Tiến Thành	Thành viên	399.999.996

STT	Họ và tên	Chức danh	Giá trị (VNĐ)
III	Ban Tổng Giám đốc		
1	Nguyễn Văn Thanh	Tổng giám đốc	2.282.375.000
2	Nguyễn Quốc Bảo	Phó TGD TT	1.892.812.500
3	Phạm Quốc Hùng	Phó TGD	135.000.000
4	Muôn Văn Chiến	Phó TGD	60.000.000
5	Tạ Công Thanh Vinh	Phó TGD	1.201.614.583
6	Lê Quang Hanh	Phó TGD	721.197.917
7	Đoàn Lam Trà	Phó TGD	1.195.911.058
8	Nguyễn Thanh Tùng	Phó TGD	1.574.490.417
9	Đỗ Mạnh Cường	Phó TGD	1.141.927.083
10	Nguyễn Thị Nghiên	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	1.287.010.096

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Phạm Khoa Việt	Người nội bộ	6.478.804	5,16	5.000.100	3,18	Bán cổ phiếu
2	Trần Trọng Thắng	Người nội bộ	1.191.461	0,74	866.461	0,55	Bán cổ phiếu
3	Hà Thế Phương	Người nội bộ	1.309.715	1,53	105.500	0,07	Bán cổ phiếu
4	Phạm Trung Thành	Người nội bộ	16.233	0,01	33	0,00	Bán cổ phiếu
5	Phùng Tiến Trung	Người nội bộ	328.177	0,27	238.177	0,15	Bán cổ phiếu
6	Nguyễn Song Thanh	Người nội bộ	31.471	0,03	1.471	0,00	Bán cổ phiếu
7	Nguyễn Văn Thanh	Người nội bộ	298.693	0,19	258.693	0,16	Bán cổ phiếu
8	Nguyễn Thị Nghiên	Người nội bộ	10.151	0,008	0	0,00	Bán cổ phiếu
9	Nguyễn Quốc Bảo	Người nội bộ	10.159	0,008	59	0,00	Bán cổ phiếu
10	Trần Công Tráng	Người nội bộ	5.787	0,004	87	0,00	Bán cổ phiếu
11	Lê Quang Hanh	Người nội bộ	68.078	0,05	78	0,00	Bán cổ phiếu

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
12	Phạm Thị Hồng Nhung	Người nội bộ	29.222	0,02	22	0,00	Bán cổ phiếu
13	Hà Thị Tâm	Người có liên quan	1.859	0,00	59	0,00	Bán cổ phiếu
14	Nguyễn Đình Sác	Người có liên quan	97.605	0,1	5	0,00	Bán cổ phiếu
15	Phạm Minh Huệ	Người có liên quan	61.461	0,04	61	0,00	Bán cổ phiếu
16	Nguyễn Thị Liễu	Người có liên quan	14.813	0,001	13	0,00	Bán cổ phiếu
17	Hà Thế Hồng	Người có liên quan	20.008	0,02	2.008	0,001	Bán cổ phiếu
18	Trần Văn Ty	Người có liên quan	3.888	0,003	0	0,00	Bán cổ phiếu
19	Phùng Nguyệt Hà	Người có liên quan	126.092	0,08	92	0,00	Bán cổ phiếu

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Hà Thế Lộng	Thành viên HĐQT	036053000014 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 13/05/2013	Số 939 Hồng Hà, Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội	15/09/2021 và 07/12/2021	NQ HĐQT số 60/2021/NQ-HĐQT.FECON ngày 06/09/2021	Bán cho Công ty 310.023 cổ phần CTCP Đầu tư FECON trị giá 3.720.276.000 VND	
2	Nguyễn Thị Nghiên	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	012790597 do CA Hà Nội cấp ngày 06/05/2005	Số 9A, ngách 1/29, ngõ 1, Nhân Hòa, Thanh Xuân, Hà Nội	15/09/2021	NQ HĐQT số 60/2021/NQ-HĐQT.FECON ngày 06/09/2021	Bán cho Công ty 100.000 cổ phần CTCP Đầu tư FECON trị giá 1.200.000.000 VND	
3	Tạ Công Thanh Vinh	Phó Tổng Giám đốc	025750794 do CA TP HCM cấp ngày 17/05/2013	1/11/24 đường TTN 22, P. Tân Thới Nhất, Q.12, TP. HCM	15/09/2021	51/2021/NQ-HĐQT.FECON	Bán cho Công ty 179.500 cổ phần Công ty cổ phần FECON SOUTH trị giá 1.795.000.000	

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Năm 2021, Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan và các quy định nội bộ của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN NĂM 2021

Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2021 của Công ty được đính kèm Báo cáo này.
Báo cáo tài chính công ty mẹ kiểm toán năm 2021 của Công ty được công bố tại đường link sau: <https://fecon.com.vn/bao-cao-tai-chinh>

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCKT, VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON ^{Ngay}
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ _{KT}



PHẠM VIỆT KHOA

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 63



CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần FECON trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần FECON (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp là 0101502599, lần thứ 20 ngày 06 tháng 5 năm 2016 về việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON thành Công ty Cổ phần FECON và thay đổi lần thứ 32 ngày 14/01/2022 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 32 ngày 14/01/2022 là: 1.574.390.050.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn năm trăm bảy mươi bốn tỷ, ba trăm chín mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tên nước ngoài: FECON CORPORATION; Tên viết tắt: FECON CORP.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với Mã chứng khoán FCN.

Trụ sở chính: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Việt Khoa	Chủ tịch
Ông Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch
Ông Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch thường trực
Ông Hà Thế Lộc	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Thái Hòa	Thành viên độc lập
Ông Phạm Trung Thành	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Song Thanh	Thành viên độc lập
Ông Phùng Tiến Trung	Thành viên
Ông Satoyuki Yamane	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng ban
Ông Trần Công Tráng	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Thành	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 05/4/2021)
Ông Muôn Văn Chiến	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 05/4/2021)
Ông Tạ Công Thanh Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Lam Trà	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 29/12/2021)
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính hợp nhất và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Số: 168/2022/BCKTHN-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần FECON

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần FECON, được lập ngày 30/3/2022, từ trang 06 đến trang 63, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



A blue handwritten signature.

Vũ Ngọc Ân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Vũ Xuân Hùng

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2022-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN				
A - (100=110+120+130+140+150)	100		5.062.620.383.406	5.557.412.775.682
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	312.430.239.372	358.353.732.799
1. Tiền	111		172.755.595.009	302.718.732.799
2. Các khoản tương đương tiền	112		139.674.644.363	55.635.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		49.148.587.209	35.358.143.989
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	49.148.587.209	35.358.143.989
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.821.445.306.296	3.969.341.050.922
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	2.057.456.007.585	2.663.910.912.631
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	173.861.796.618	621.272.475.826
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	62.062.540.000	44.405.044.167
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	531.326.076.549	643.009.282.033
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.197.690.370)	(4.185.497.150)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		936.575.914	928.833.415
IV. Hàng tồn kho	140		1.662.011.105.914	1.028.107.365.982
1. Hàng tồn kho	141	5.7	1.662.011.105.914	1.028.107.365.982
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		217.585.144.615	166.252.481.990
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	31.912.874.669	10.268.884.294
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		59.377.573.349	8.860.704.520
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	2.294.696.597	3.365.933.176
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		124.000.000.000	143.756.960.000
TÀI SẢN DÀI HẠN				
B - (200=210+220+240+250+260)	200		2.433.084.195.177	1.222.701.947.188
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		57.423.776.151	70.291.521.583
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	2.602.610.000	6.333.390.000
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	-	23.300.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	54.821.166.151	40.658.131.583
II. Tài sản cố định	220		1.886.312.740.786	673.036.229.036
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	1.631.823.344.094	434.424.987.981
- Nguyên giá	222		2.037.531.474.573	801.271.684.320
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(405.708.130.479)	(366.846.696.339)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	228.314.685.631	185.783.319.516
- Nguyên giá	225		262.507.159.627	213.661.288.028
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(34.192.473.996)	(27.877.968.512)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	26.174.711.061	52.827.921.539
- Nguyên giá	228		48.459.475.815	71.997.793.875
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(22.284.764.754)	(19.169.872.336)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		26.965.662.452	46.226.126.647
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	26.965.662.452	46.226.126.647
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		292.205.863.439	304.763.816.009
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.2	188.633.242.500	188.633.242.500
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2	102.072.620.939	114.630.573.509
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	1.500.000.000	1.500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		170.176.152.349	128.384.253.913
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	110.253.641.667	75.753.175.787
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		207.450.700	316.390.008
5. Lợi thế thương mại	269	5.13	59.715.059.982	52.314.688.118
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		7.495.704.578.583	6.780.114.722.870

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021


NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		4.566.523.278.536	4.277.200.229.024
I. Nợ ngắn hạn	310		3.365.479.978.631	3.896.088.221.242
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	1.048.908.369.492	1.038.767.308.824
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	354.059.702.076	326.382.710.526
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	44.150.876.373	130.978.504.065
4. Phải trả người lao động	314		39.140.847.087	29.457.007.708
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	466.586.353.729	999.301.740.342
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		35.190.479	52.785.719
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	72.440.223.420	143.419.299.268
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	1.331.632.444.581	1.220.446.974.519
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		8.525.971.394	7.281.890.271
II. Nợ dài hạn	330		1.201.043.299.905	381.112.007.782
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		2.778.828.591	2.941.774.132
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	54.000.000.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	1.140.623.103.116	374.528.865.452
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		3.641.368.198	3.641.368.198
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.929.181.300.047	2.502.914.493.846
(400 = 410+430)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	2.929.181.300.047	2.502.914.493.846
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.574.390.050.000	1.254.390.050.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>1.574.390.050.000</i>	<i>1.254.390.050.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		517.556.564.217	418.206.069.395
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		10.039.280.000	10.039.280.000
4. Cổ phiếu quỹ	415		-	(13.935.465.178)
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		333.791.372.072	334.081.396.957
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		254.161.637	254.161.637
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		218.438.279.112	212.288.658.729
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>150.063.866.509</i>	<i>93.592.214.429</i>
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>68.374.412.603</i>	<i>118.696.444.300</i>
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		274.711.593.009	287.590.342.306
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		7.495.704.578.583	6.780.114.722.870
(440 = 300+400)				

Người lập



Trần Thu Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nghiên

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	3.484.219.388.593	3.154.193.828.244
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		3.484.219.388.593	3.154.193.828.244
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	3.014.506.972.691	2.680.784.968.097
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		469.712.415.902	473.408.860.147
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	18.943.155.701	15.188.765.569
7. Chi phí tài chính	22	6.4	152.265.106.452	99.245.607.151
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		145.670.784.482	97.973.976.082
8. Phản lãi (lỗ) trong Công ty liên kết, liên doanh	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	25.239.575.877	21.987.042.112
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	200.099.244.674	192.222.584.791
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		111.051.644.600	175.142.391.662
12. Thu nhập khác	31	6.6	6.711.769.614	1.201.316.720
13. Chi phí khác	32	6.6	7.945.583.007	8.154.750.363
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(1.233.813.393)	(6.953.433.643)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		109.817.831.207	168.188.958.019
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	38.927.106.131	34.647.187.978
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		108.939.308	(43.403.083)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		70.781.785.768	133.585.173.124
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		68.374.412.603	118.696.444.300
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.407.373.165	14.888.728.824
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	534	929

Người lập

Trần Thu Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Nghiê

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MS TM	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	109.817.831.207	168.188.958.019
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	96.495.220.916	77.751.887.656
- Các khoản dự phòng	03	12.193.220	2.103.152.039
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(43.529.558)	205.073.537
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(14.674.711.795)	(12.690.624.518)
- Chi phí lãi vay	06	145.670.784.482	96.073.976.082
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	337.277.788.472	331.632.422.815
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.102.426.826.139	(303.061.485.521)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(633.903.739.932)	(352.708.482.329)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(682.982.384.654)	589.818.471.697
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(33.930.923.243)	(7.156.436.867)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(147.453.328.257)	(94.311.240.060)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(41.655.872.956)	(50.506.519.828)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	4.080.600.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(14.245.349.666)	(25.049.257.603)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(110.386.384.097)	88.657.472.364
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.215.794.261.669)	(404.275.394.821)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	59.694.945.962	190.819.480
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(44.877.003.185)	(124.200.849.501)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	37.293.459.965	150.922.891.449
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(89.217.551.203)	(1.956.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	32.622.255.000	9.250.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.732.288.359	14.815.826.057
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.208.545.866.771)	(355.252.707.336)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	435.535.960.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(13.935.465.178)
3. Tiền thu từ cho vay	33	4.188.149.225.102	2.418.282.951.423
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.210.207.256.840)	(1.874.126.317.801)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(99.633.260.536)	(82.684.277.044)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(40.869.223.256)	(59.014.661.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.272.975.444.470	388.522.229.900
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(45.956.806.398)	121.926.994.928
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	358.353.732.799	236.464.914.224
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	33.312.971	(38.176.353)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70 5.1	312.430.239.372	358.353.732.799

Người lập biểu



Trần Thu Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nghiên

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022
Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thanh

191
:Y
:H
-ÁN
IAN

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần FECON được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004661 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 2004, đăng ký thay đổi các lần và lần thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi mã số doanh nghiệp là 0101502599, lần thứ 20 ngày 06 tháng 5 năm 2016 về việc đổi tên từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật nền móng và công trình ngầm FECON thành Công ty Cổ phần FECON và thay đổi lần thứ 32 ngày 14/01/2022 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 32 ngày 14/01/2022 là: 1.574.390.050.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn năm trăm bảy mươi bốn tỷ, ba trăm chín mươi triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tên nước ngoài: FECON CORPORATION; Tên viết tắt: FECON CORP.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên sàn HOSE với Mã chứng khoán FCN.

Trụ sở chính: Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số lao động của Công ty mẹ và các Công ty con tại ngày 31/12/2021 là 1.357 lao động (tại ngày 31/12/2020: 1.224 lao động)

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi;
- Thi công hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và đô thị;
- Thí nghiệm khả năng chịu tải nền móng công trình bằng phương pháp nén tải trọng tĩnh và thí nghiệm tải trọng động biến dạng lớn (PDA);
- Thí nghiệm kiểm tra nguyên dạng và tính đồng nhất của cọc móng và các cấu kiện bê tông cốt thép bằng phương pháp siêu âm (SONIC) và phương pháp va đập biến dạng nhỏ (PIT);
- Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình, khảo sát địa chất thủy văn công trình;
- Thực hiện các thí nghiệm địa kỹ thuật phục vụ khảo sát thiết kế, quản lý chất lượng và quan trắc trong thi công nền móng và công trình ngầm (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm phục vụ xây dựng nhà cao tầng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Đầu tư vào các Công ty con					
Công ty Cổ phần Thiết bị FECON (bao gồm cả tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần công trình ngầm FECON)	Hòa Bình	Sửa chữa và Cho thuê máy móc, thiết bị	99,93%	99,93%	94,12%
Công ty Cổ phần thi công cọc FECON số 1	Hà Nội	Thi công xây dựng nền móng và công trình ngầm	99,89%	99,89%	99,89%
Công ty Cổ phần cọc khoan và kết cấu ngầm FECON	Hà Nội	Xây dựng nền móng, công trình ngầm, bao gồm cả ép cọc	99,89%	99,89%	99,89%
Công ty Cổ phần cọc và xây dựng FECON (trước là Công ty Cổ phần thi công cọc và xây dựng FECON)	Hà Nội	Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc	99,94%	99,94%	99,94%
FECON Trung Chính Myanmar	Myanmar	Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cầu đường	51,00%	51,00%	93,56%
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON (trước là Công ty Cổ phần Xử lý nền và Xây dựng FECON)	Hà Nội	Thi công xử lý nền đất yếu	99,56%	99,56%	99,56%
Trường THPT Ý Yên	Nam Định	Giáo dục, đào tạo cấp Trung học cơ sở, cấp Trung học Phổ thông	72,90%	72,90%	72,90%
Công ty Cổ phần Đầu tư FECON (trước là Công ty Cổ phần Hạ tầng và Phát triển đô thị FECON)	Hà Nội	Hoạt động trong lĩnh vực phát triển dự án và thi công xây dựng	90,52%	90,52%	90,52%
Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON	Hà Nội	Thi công xử lý nền móng các công trình ngầm	57,90%	57,90%	57,90%
Công ty Cổ phần FECON SOUTH	TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm thi công các loại cọc, xử lý nền	99,99%	99,99%	99,99%
Công ty Cổ phần Năng Lượng FECON (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Tư vấn đầu tư xây dựng	99,99%	99,99%	91,87%
Công ty Cổ phần Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	97,22%	97,22%	88,01%
FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD	Myanmar	Khảo sát địa chất, xử lý nền móng, thi công cọc và dịch vụ thiết kế tại thị trường Myanmar	60%	60%	60%

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần Đầu tư FECON)	Thanh Hóa	Khai thác và chế biến khoáng sản	99,999%	99,999%	96,59%
Công ty Cổ phần đầu tư năng lượng ECOTECH Việt Nam (bao gồm tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần Đầu tư FECON)	Hà Nội	Sản xuất điện	99,997%	99,997%	95,85%
Công ty TNHH MTV Nguồn Nhân Lực FECON	Hà Nội	Dịch vụ, giáo dục	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thi công đường bộ FCI (tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Xử lý nền và Xây dựng FECON)	Hà Nội	Thi công xây dựng và bán bê tông	100,0%	100,0%	99,56%
Công ty Cổ phần FECON Miltec (tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty Cổ phần Xử lý nền và Xây dựng FECON)	Long An	Sản xuất sản phẩm từ plastic như bắc thềm, vải địa kỹ thuật và các sản phẩm khác từ plastic.	50,29%	50,29%	50,07%
Công ty TNHH Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng (Tỷ lệ sở hữu gián tiếp qua Công ty cổ phần Đầu tư Năng lượng Ecotech Việt Nam)	Sóc Trăng	Sản xuất điện gió tại dự án Nhà máy Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng.	90,00%	90,00%	90,00%
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết					
Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6		Sản xuất điện	40%	40%	40%
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật tiên tiến Raito - FECON	Hà Nội	Thi công xây dựng	49%	49%	28,4%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune	Hà Nội	Thi công xây dựng	49,10%	49,10%	49,10%
Công ty Cổ phần Nguồn Nhân lực Thanh Giang FECON	Hà Nội	Dịch vụ, giáo dục	48,83%	48,83%	48,83%

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng năm 2021 của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần FECON, các Công ty con của Công ty Cổ phần FECON là Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng FECON, Công ty Cổ phần FECON Miltec, Trường PTTH Ý Yên, Công ty Cổ phần Đầu tư FECON, Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON, Công ty Cổ phần FECON SOUTH, Công ty Cổ phần Năng Lượng FECON, Công ty Cổ phần Nông nghiệp hữu cơ Đông Khê, FECON RAINBOW FOUNDATION CONSTRUCTION CO LTD, Công ty Cổ phần Khoáng sản Hải Đăng, Công ty Cổ phần Thiết bị FECON, Công ty Cổ phần thi công cọc FECON số 1, Công ty Cổ phần Cọc khoan và Kết cấu ngầm FECON, Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON (trước là Công ty Cổ phần Thi công cọc và Xây dựng FECON), FECON Trung Chính Myanmar, Công ty Cổ phần Đầu tư năng lượng ECOTECH Việt Nam, Công ty TNHH MTV Nguồn Nhân Lực FECON, Công ty TNHH Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng, Công ty TNHH MTV Thi công đường bộ FCI.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2021.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của các Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 31/12/2021.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, Công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào các khoản đầu tư khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bản quyền, bằng sáng chế và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 - 10 năm.

Nguyên tắc kế toán thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả về thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán thuê tài chính**

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Máy móc, thiết bị
Phương tiện vận tải**Số năm**
08 - 20
8 - 10**Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**Công ty là bên góp vốn

Các khoản vốn bằng tiền và tài sản góp vào BCC được ghi nhận như một khoản công nợ phải thu trên Báo cáo tài chính năm.

Ghi nhận doanh thu, chi phí theo BCC: Ghi nhận doanh thu một lần khi hết thời hạn hợp tác kinh doanh theo quy định tại hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian phân bổ.

Chi phí trả trước là công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm.

Đối với chi phí trả trước là Giá trị quyền sử dụng văn phòng tại văn phòng Tháp C.E.O, lô HH2-1, Đô thị mới Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội, trong 48 năm. Công ty phân bổ theo thời gian 48 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn đến quan hệ Công ty mẹ - Công ty con được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: trích trước theo hợp đồng vay
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.
- Trích trước chi phí các công trình khi đã có nghiệm thu khối lượng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: khoản chênh lệch giữa giá bán và giá thuê lại tài sản thuê tài chính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ vào thời hạn thuê của hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm: Doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu xây lắp.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4:0
ÔNG
TNI
EM
VIE
YÁ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của công trình xây lắp, bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

31/12
TY
H
DÁN
NA
31-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế và 25% đối với thuế suất đầu tư vốn ra ngoài Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là thi công xây lắp và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý chủ yếu là Việt Nam theo đó không có Báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	19.295.351.785	63.466.115.408
Tiền gửi ngân hàng	153.460.243.224	239.252.617.391
Các khoản tương đương tiền	139.674.644.363	55.635.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	139.674.644.363	55.635.000.000
Tổng	312.430.239.372	358.353.732.799

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	49.148.587.209	49.148.587.209	35.358.143.989	35.358.143.989
- Tiền gửi có kỳ hạn	48.648.587.209	48.648.587.209	35.358.143.989	35.358.143.989
Dài hạn	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
- Trái phiếu kỳ hạn 10 năm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Tổng	50.648.587.209	50.648.587.209	36.858.143.989	36.858.143.989

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b. Các khoản đầu tư dài hạn**

	Tỷ lệ		31/12/2021(VND)		01/01/2021(VND)		Đơn vị tính: VND
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết			188.633.242.500		188.633.242.500		
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật tiên tiến Raito - FECON	49,00%	49,00%	24.500.000.000		24.500.000.000		
Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6	40,00%	40,00%	162.177.242.500		162.177.242.500		
Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune (OFICO)	49,10%	49,10%	491.000.000		491.000.000		
Công ty Cổ phần Nguồn Nhân lực Thanh Giang FECON	48,83%	48,83%	1.465.000.000		1.465.000.000		
Đầu tư vào đơn vị khác			102.072.620.939		114.630.573.509		
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	9,09%	9,09%	41.262.620.939		45.201.592.259		
Tổng công ty Tư vấn thiết kế Giao thông vận tải - CTCF			-		8.618.981.250		
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí	1,94%	1,94%	7.000.000.000		7.000.000.000		
Công ty Cổ phần cho thuê thiết bị xây dựng KANAMOTO FECON HASSYU	11,85%	11,85%	16.000.000.000		16.000.000.000		
Hợp tác kinh doanh, đầu tư với các cá nhân			37.810.000.000		37.810.000.000		
Tổng			290.705.863.439	(*)	303.263.816.009	(*)	(*)

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Các giao dịch giữa Công ty và các Công ty liên kết, đầu tư khác trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 7.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	2.057.456.007.585	2.663.910.912.631
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự án Nhiệt điện Long Phú	62.553.118.955	64.742.512.745
Công ty Posco E&C-Thầu chính Gói thầu A2 thuộc DA Hóa dầu Long Sơn	22.204.245.170	35.386.736.878
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	34.863.407.320	45.249.504.646
Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam	4.038.004.902	8.718.752.627
Công ty TNHH Liên doanh Thành phố Đế Vương	-	7.730.011.437
Liên danh Hyundai E&C-GHELLA	67.243.818.523	85.686.011.715
Trường đại học Phenikaa	-	11.752.730.344
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	11.822.990.559	20.268.659.507
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Nhơn Trạch	41.027.496.576	72.431.522.440
Trường Trung học cơ sở Lê Quý Đôn - Tây Đô	79.309.142.550	79.309.142.550
Công ty Cổ phần Gamuda Land (HCMC)	234.534.396.555	176.013.212.679
Liên Danh Nhà Thầu Kumho - Hyundai	12.522.462.968	10.118.198.661
Công ty Cổ phần Tập đoàn Phụng Hoàng Xanh A&A	2.038.584.918	99.262.110.479
Công ty Cổ phần điện gió BT1	-	199.293.575.408
Công ty TNHH VESTAS WIND TECHNOLOGY Việt Nam	78.136.751.550	214.291.987.379
Công ty Cổ phần điện gió BT2	-	124.360.487.117
Công ty Cổ Phần Quốc Lộc Phát	30.540.074.468	58.956.817.347
Phải thu các đối tượng khác	1.376.621.512.571	1.350.338.938.672
Phải thu khách hàng dài hạn	2.602.610.000	6.333.390.000
Phải thu các đối tượng khác	2.602.610.000	6.333.390.000
Tổng	2.060.058.617.585	2.670.244.302.631
<i>Trong đó phải thu ngắn hạn các bên liên quan trình bày Thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</i>	<i>16.090.701.168</i>	<i>952.471.204</i>

DN
C
KI
CP
HC

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Vật liệu Điện Nam Hà Nội	-	58.058.516.411
Công ty TNHH POWERCHINA Việt Nam	-	329.944.491.860
Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thông Thuận	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	8.248.575.994	8.248.575.999
Công ty Cổ phần Tổng hợp Xây dựng 69	8.458.630.589	8.458.630.589
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Đầu Tư Đông Anh	7.067.820.544	1.808.290.545
Các đối tượng khác	110.086.769.491	174.753.970.422
Tổng	173.861.796.618	621.272.475.826

5.5 Phải thu về cho vay

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	62.062.540.000	44.405.044.167
Công ty Cổ phần Tổng hợp xây dựng công trình 69	550.000.000	634.104.167
Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hào 6 (1)	34.127.540.000	39.685.940.000
Công ty Cổ phần hạ tầng Omega Fortune (OFICO) (2)	23.300.000.000	-
Các đối tượng khác	4.085.000.000	4.085.000.000
Dài hạn	-	23.300.000.000
Công ty Cổ phần hạ tầng Omega Fortune (OFICO) (2)	-	23.300.000.000
Tổng	62.062.540.000	67.705.044.167
<i>Trong đó phải thu cho vay các bên liên quan trình bày Thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</i>	<i>57.427.540.000</i>	<i>62.985.940.000</i>

(1) Theo hợp đồng vay số 02/2019/HĐ-VH6-FCN ngày 20/02/2019 giữa bên cho vay Công ty Cổ phần FECON và bên vay Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hào 6, thời hạn vay là 10 tháng tính từ ngày bên vay rút khoản vay đầu tiên; Hợp đồng chuyển giao quyền và nghĩa vụ số 01/2019/HĐCG/FCN-FCP ngày 15/12/2019 giữa bên chuyển giao Công ty Cổ phần FECON và bên nhận chuyển giao Công ty Cổ phần Năng lượng Fecon toàn bộ quyền và nghĩa vụ của FCN phát sinh từ hợp đồng vay số 02/2019/HĐ-VH6-FCN ngày 20/02/2019; Phụ lục hợp đồng số 01/2019/FCN-VH6-FCP ngày 16/12/2019 giữa bên cho vay Công ty Cổ phần FECON, bên kế thừa Công ty Cổ phần Năng lượng Fecon và bên vay Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hào 6, theo đó số tiền vay là 55.584.000.000 đồng; Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 31/01/2020 tự động gia hạn kỳ hạn vay bằng kỳ hạn vay của hợp đồng 02/2019/HĐ-VH6-FCN ngày 20/02/2019 nếu Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hào 6 không có thông báo hoặc các bên không có thỏa thuận khác và điều chỉnh lãi suất hợp đồng cho vay là 5,3% áp dụng kể từ ngày 01/02/2020 cho đến ngày bên vay hoàn trả đầy đủ khoản vay.

(2) Theo thỏa thuận hợp đồng vay có thể chuyển đổi ngày 15/5/2020 giữa Công ty Cổ phần Năng lượng Fecon và Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune; Theo đó Công ty Cổ phần Năng lượng Fecon cho CTCP Hạ tầng Omega Fortune vay số tiền 23.300.000.000 đồng cho kỳ hạn 2 năm từ 15/5/2020 đến 15/5/2022, lãi suất cho vay 10%/năm; Nếu khoản vay được hoàn trả muộn hơn 15/5/2022 thì cứ 10.000 đồng sẽ quy đổi bằng 1 cổ phiếu Công ty Cổ phần Năng lượng Fecon nắm giữ tại Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.6 Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn khác	531.326.076.549	-	643.009.282.033	-
Công ty TNHH MTV				
Đầu tư và Thương mại Hà Việt	4.415.833.610	-	4.415.833.610	-
ACWA Power Vietnam Renewables Pte. Ltd.	-	-	267.000.000	-
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính NHTMCP ngoại thương Việt Nam	853.129.871	-	-	-
Công ty cổ phần năng lượng Vĩnh Hảo 6	153.620.680	-	-	-
Công ty cổ phần hạ tầng Omega Fortune (OFICO)	3.798.219.176	-	-	-
Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất	4.936.371.933	-	-	-
Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn	30.100.589.822	-	-	-
Phải thu khác	35.760.985.942	-	193.416.368.174	-
Tạm ứng	446.556.860.265	-	442.328.714.889	-
Ký cược, ký quỹ	4.750.465.250	-	2.581.365.360	-
Phải thu dài hạn khác	54.821.166.151	-	40.658.131.583	-
Các khoản phải thu khác	39.479.684.269	-	7.587.906.473	-
Ký quỹ ký cược dài hạn	15.341.481.882	-	33.070.225.110	-
Tổng	586.147.242.700	-	683.667.413.616	-
<i>Trong đó phải thu khác các bên liên quan trình bày Thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</i>	<i>4.244.330.846</i>		<i>116.654.782</i>	

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	17.426.221.038	-	21.900.756.198	-
Công cụ, dụng cụ	1.806.958.908	-	7.420.252.945	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang	1.569.971.713.268	-	902.720.656.453	-
Thành phẩm	24.034.431.471	-	7.307.790.001	-
Hàng hóa	48.771.781.229	-	88.757.910.385	-
Tổng	1.662.011.105.914	-	1.028.107.365.982	-

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì
 Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
 quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	31.912.874.669	10.268.884.294
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	725.849.985	801.034.916
Chi phí bảo hiểm	905.615.111	268.010.313
Chi phí thuê văn phòng	349.002.299	344.607.099
Chi phí mua phần mềm	1.423.371.054	1.393.104.096
Chi phí sửa chữa	-	110.263.455
Chi phí khác	28.509.036.220	7.351.864.415
Dài hạn	110.253.641.667	75.753.175.787
Công cụ, dụng cụ, thiết bị	31.028.443.017	16.684.834.064
Chi phí sửa chữa	1.464.644.193	2.041.336.990
Tiền thuê văn phòng, thuê tài sản	53.697.036.826	33.268.280.907
Chi phí phần mềm	68.880.918	234.541.610
Phí bảo hiểm	3.560.385.227	1.514.877.000
Phí cung cấp dịch vụ bảo lãnh, Chi phí khác	20.434.251.486	22.009.305.216
Tổng	142.166.516.336	86.022.060.081

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng	Đơn vị tính: VND
Số dư tại 01/01/2021	100.914.226.135	613.661.779.034	42.152.930.573	3.031.113.407	41.511.635.171	801.271.684.320	
Tăng trong năm	36.965.898.276	1.056.348.194.376	154.262.488.903	129.454.545	125.246.350.034	1.372.952.386.134	
Mua trong năm	111.500.000	33.077.630.284	6.041.239.109	129.454.545	7.173.443.681	46.533.267.619	
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	36.766.010.000	-	-	-	36.766.010.000	
Đầu tư XDCB hoàn thành	36.854.398.276	986.504.554.092	148.221.249.794	-	118.072.906.353	1.289.653.108.515	
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-	
Giảm trong năm	-	132.771.513.936	3.363.047.014	4.100.000	553.934.931	136.692.595.881	
Thanh lý, nhượng bán	-	132.771.513.936	3.363.047.014	-	553.934.931	136.688.495.881	
Phân loại lại	-	-	-	4.100.000	-	4.100.000	
Số dư tại 31/12/2021	137.880.124.411	1.537.238.459.474	193.052.372.462	3.156.467.952	166.204.050.274	2.037.531.474.573	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư tại 01/01/2021	15.825.785.420	306.625.736.232	26.646.775.241	3.031.113.407	14.717.286.039	366.846.696.339	
Tăng trong năm	4.147.442.887	64.372.368.459	6.522.926.313	127.136.079	10.062.412.510	85.232.286.248	
Khấu hao trong năm	4.147.442.887	51.076.565.934	6.522.926.313	127.136.079	10.062.412.510	71.936.483.723	
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	13.295.802.525	-	-	-	13.295.802.525	
Giảm trong năm	-	44.592.505.409	1.553.956.105	1.781.534	222.609.060	46.370.852.108	
Thanh lý, nhượng bán	-	44.558.414.489	1.553.956.105	-	222.609.060	46.334.979.654	
Giảm khác	-	34.090.920	-	-	-	34.090.920	
Phân loại lại	-	-	-	1.781.534	-	1.781.534	
Số dư tại 31/12/2021	19.973.228.307	326.405.599.282	31.615.745.449	3.156.467.952	24.557.089.489	405.708.130.479	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Tại 01/01/2021	85.088.440.715	307.036.042.802	15.506.155.332	-	26.794.349.132	434.424.987.981	
Tại 31/12/2021	117.906.896.104	1.210.832.860.192	161.436.627.013	-	141.646.960.785	1.631.823.344.094	

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2021 là 1.402.449.847.406 đồng (Tại ngày 31/12/2020 là: 95.105.358.241 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 81.733.490.650 đồng (Tại ngày 31/12/2020 là: 67.749.969.460 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính*Đơn vị tính: VND*

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2021	207.340.075.957	6.321.212.071	213.661.288.028
Tăng trong năm	85.582.621.599	2.569.198.091	88.151.819.690
Mua trong năm	85.582.621.599	-	85.582.621.599
Phân loại lại	-	2.569.198.091	2.569.198.091
Giảm trong năm	39.305.948.091	-	39.305.948.091
Mua lại tài sản thuê tài chính	36.736.750.000	-	36.736.750.000
Phân loại lại	2.569.198.091	-	2.569.198.091
Số dư tại 31/12/2021	253.616.749.465	8.890.410.162	262.507.159.627
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2021	26.945.874.469	932.094.043	27.877.968.512
Tăng trong năm	18.680.526.032	952.306.453	19.632.832.485
Khấu hao trong năm	18.680.526.032	929.781.977	19.610.308.009
Phân loại lại	-	22.524.476	22.524.476
Giảm trong năm	13.318.327.001	-	13.318.327.001
Mua lại tài sản thuê tài chính	13.295.802.525	-	13.295.802.525
Phân loại lại	22.524.476	-	22.524.476
Số dư tại 31/12/2021	32.308.073.500	1.884.400.496	34.192.473.996
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2021	180.394.201.488	5.389.118.028	185.783.319.516
Tại 31/12/2021	221.308.675.965	7.006.009.666	228.314.685.631

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Quyền khai thác mỏ	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYỄN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2021	29.678.619.190	13.195.889.771	241.800.000	27.956.367.657	925.117.257	71.997.793.875
Tăng trong năm	-	-	-	88.000.000	-	88.000.000
Tăng khác	-	-	-	88.000.000	-	88.000.000
Giảm trong năm	23.626.318.060	-	-	-	-	23.626.318.060
Phân loại lại	23.626.318.060	-	-	-	-	23.626.318.060
Số dư tại 31/12/2021	6.052.301.130	13.195.889.771	241.800.000	28.044.367.657	925.117.257	48.459.475.815
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2021	2.558.891.747	5.345.051.015	52.914.452	10.721.828.709	491.186.413	19.169.872.336
Tăng trong năm	420.751.718	910.801.939	30.225.000	3.540.424.535	46.225.992	4.948.429.184
Khấu hao trong năm	420.751.718	910.801.939	30.225.000	3.540.424.535	46.225.992	4.948.429.184
Giảm trong năm	1.833.536.766	-	-	-	-	1.833.536.766
Phân loại lại	1.833.536.766	-	-	-	-	1.833.536.766
Số dư tại 31/12/2021	1.146.106.699	6.255.852.954	83.139.452	14.262.253.244	537.412.405	22.284.764.754
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2021	27.119.727.443	7.850.838.756	188.885.548	17.234.538.948	433.930.844	52.827.921.539
Tại 31/12/2021	4.906.194.431	6.940.036.817	158.660.548	13.782.114.413	387.704.852	26.174.711.061

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	-	4.615.950.555
Chi phí dự án trồng lê tại huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	16.906.543.928	15.321.258.670
Sửa chữa TSCĐ	-	43.000.000
Mua sắm tài sản cố định	9.550.027.615	14.203.326.627
Dự án Nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng (giai đoạn 1)	-	12.042.590.795
Dự án Nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng (giai đoạn 2)	509.090.909	-
Tổng	26.965.662.452	46.226.126.647

5.13 Lợi thế thương mại

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi thế thương mại đầu năm	52.314.688.118	774.077.256
Lợi thế thương mại tăng trong năm	14.277.897.652	53.423.500.000
Lợi thế thương mại tăng giảm trong năm	6.877.525.788	1.882.889.138
Lợi thế thương mại cuối năm	59.715.059.982	52.314.688.118

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.14 Phải trả người bán

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	1.048.908.369.492	1.048.908.369.492	1.038.767.308.824	1.038.767.308.824
Công ty Cổ phần địa kỹ thuật tiên tiến Raito - FECON	73.303.809.731	73.303.809.731	68.880.450.857	68.880.450.857
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	53.185.812.772	53.185.812.772	109.661.643.345	109.661.643.345
GEOHARBOUR Limited	36.816.311.641	36.816.311.641	36.866.145.196	36.866.145.196
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Dung Trần	7.913.524.188	7.913.524.188	30.493.136.088	30.493.136.088
POWERCHINA HUADONG ENGINEERING CORPORATION LIMITED	24.753.983.800	24.753.983.800	-	-
Các đối tượng khác	852.934.927.360	852.934.927.360	792.865.933.338	792.865.933.338
Tổng	1.048.908.369.492	1.048.908.369.492	1.038.767.308.824	1.038.767.308.824
<i>Trong đó phải trả các bên liên quan trình bày Thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</i>	<i>73.303.809.731</i>	<i>73.303.809.731</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

5.15 Người mua ứng tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH Techtronic Tools (Việt Nam)	26.323.216.754	-
Công ty TNHH Phong điện Hòa Đông	37.269.610.938	-
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông thành phố Hà Nội	12.002.165.125	20.000.000.000
Công ty TNHH Sài Gòn Sports City	-	694.329.717
Công ty CP Gumada Land (HCMC)	4.584.366.828	25.662.708.839
Ban Quản lý dự án 7	20.031.600.000	-
Văn phòng chính phủ	24.551.683.000	-
Công ty TNHH PowerChina Việt Nam	9.293.113.264	171.720.133.234
Các đối tượng khác	220.003.946.167	108.305.538.736
Tổng	354.059.702.076	326.382.710.526

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
Phải nộp	130.978.504.065	194.763.078.152	281.590.705.844	44.150.876.373
Thuế giá trị gia tăng	91.753.330.122	44.287.489.698	128.348.633.620	7.692.186.200
Thuế XNK	-	100.435.938	100.435.938	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.229.066.332	44.466.206.595	41.655.872.956	29.039.399.971
- Phát sinh trong năm	32.765.309.237	32.244.448.193	35.970.357.459	29.039.399.971
- Thuế TNDN hoàn nộp thuế (t)	(6.615.373.789)	6.615.373.789	-	-
- Tăng khác	79.130.884	-	79.130.884	-
- Thuế TNDN truy thu	-	5.606.384.613	5.606.384.613	-
Thuế thu nhập cá nhân	5.823.058.378	21.792.755.122	22.993.067.199	4.622.746.301
Thuế tài nguyên	-	4.211.130.000	2.740.853.000	1.470.277.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	574.419.454	138.699.528	713.118.982	-
Thuế Bảo vệ môi trường và thuế khác	1.737.752.636	65.983.168.395	66.465.046.515	1.255.874.516
Thuế môn bài	-	47.500.000	47.500.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.860.877.143	13.735.692.876	18.526.177.634	70.392.385
Tổng	130.978.504.065	194.763.078.152	281.590.705.844	44.150.876.373

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
Phải thu	3.365.933.176	22.464.401.401	21.393.164.822	2.294.696.597
Thuế GTGT	461.872.553	461.872.553	388.642	388.642
Thuế XNK	1.443.752.944	20.707.003.488	21.124.865.813	1.861.615.269
Thuế thu nhập doanh nghiệp	495.702.783	67.284.149	-	428.418.634
Thuế thu nhập cá nhân	11.623.655	275.259.970	267.910.367	4.274.052
Thuế tài nguyên	952.981.241	952.981.241	-	-
Tổng	3.365.933.176	22.464.401.401	21.393.164.822	2.294.696.597

5.17 Chi phí phải trả

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	466.586.353.729	999.301.740.342
Lãi vay phải trả	9.112.260	1.762.736.022
Trích trước chi phí các công trình	458.349.117.627	997.539.004.320
Trích trước chi phí khác	8.228.123.842	-
Tổng	466.586.353.729	999.301.740.342

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.18 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	72.440.223.420	143.419.299.268
Tài sản thừa chờ xử lý	121.600	121.600
Kinh phí công đoàn	2.117.137.107	1.161.205.491
Bảo hiểm xã hội	1.137.470.167	873.565.612
Bảo hiểm y tế	394.347.582	331.603.988
Bảo hiểm thất nghiệp	110.227.553	167.086.499
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	4.237.926.335	100.000.000
Phải trả phải nộp khác	64.442.993.076	140.785.716.078
Cổ tức phải trả	123.486.173	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư công nghệ Ecotech Việt Nam (1)	25.873.559.000	58.160.000.000
Công ty TNHH Geoharbour Holding (2)	9.955.679.021	22.839.423.224
Viện nền móng và công trình Ngầm Fecon	-	1.000.000.000
<i>Phải trả, phải nộp khác</i>	<i>28.490.268.882</i>	<i>58.786.292.854</i>
Dài hạn	54.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Sóc Trăng (3)	54.000.000.000	-
Tổng	126.440.223.420	143.419.299.268

(1): Khoản phải trả theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 03/2020/ECOTECH-FECON giữa CTCP Thương mại và Đầu tư công nghệ Ecotech và CTCP Năng lượng Fecon ngày 25/8/2020; Theo đó cổ phần chuyển nhượng là 7.650.000 cổ phần tương đương 25,5% vốn điều lệ của CTCP Năng lượng ECOTECH, giá trị chuyển nhượng là 76.500.000.000 đồng.

(2): Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 09/01/2018 giữa bên chuyển nhượng Công ty TNHH Geoharbour Holding và Bên nhận chuyển nhượng Công ty Cổ phần FECON; Cổ phần chuyển nhượng: Cổ phần của Công ty Cổ phần Xử lý nền và xây dựng FECON; Số lượng: 5.070.857 cổ phần; Giá chuyển nhượng: 47.095.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.18 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (Tiếp theo)

(3): Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 99/STE-QVST/HĐHTĐTKD/2021 ngày 01/7/2021 giữa bên A - Công ty TNHH Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng (chủ đầu tư nhà máy điện gió số 6) và Công ty Cổ phần Năng lượng Sóc Trăng (chủ đầu tư nhà máy điện gió số 7); Bên B sẽ hợp tác đầu tư với bên A theo hình thức góp vốn bằng tiền của mình để hoàn trả chi phí đầu tư cho bên A đầu tư, xây dựng các hạng mục đầu tư (đoạn đường dây 110kV mạch kép, tiết diện phân pha 2xACSR 240 mm², chiều dài khoảng 18.779 km từ điểm đầu nối của vị trí số 6 đến điểm đầu nối của vị trí số 5 - Nhà máy điện gió Lạc Hòa giai đoạn 1 thuộc một phần của Dự án Nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng do bên A làm chủ đầu tư). Các bên sẽ cùng nhau khai thác tài sản hình thành từ hệ thống đường dây truyền tải điện, phục vụ cho việc truyền tải, phân phối và phát điện tại Dự án điện gió số 5 và Dự án Nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng. Tỷ lệ góp vốn: Bên A chịu trách nhiệm góp phần vốn còn lại để đảm bảo đủ nguồn vốn đầu tư, xây dựng hạng mục đầu tư; Bên B góp 50% giá trị đầu tư xây dựng tương đương 35 tỷ đồng đoạn đường dây từ điểm đầu nối dự án nhà máy điện gió số 7 (vùng 1-3) đến điểm đầu nối nhà máy điện gió Lạc Hòa giai đoạn 1 (vùng 2-3), được sở hữu 50% giá trị của đoạn dây này, được quyền khai thác sử dụng 50% công suất của tuyến đường dây truyền tải và góp 25% giá trị đầu tư tương đương 25 tỷ đồng đoạn đường dây từ Dự án nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng (vùng 2-2) đến vị trí đầu nối dự án nhà máy điện gió số 7 (vùng 1-3), được sở hữu 25% giá trị của đoạn dây này, được quyền khai thác sử dụng 25% công suất của tuyến đường dây truyền tải. Tổng giá trị bên B góp vốn hoàn trả chi phí đầu tư là 60 tỷ đồng đã bao gồm thuế GTGT 10%. Các bên thống nhất chia sẻ chi phí vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa toàn bộ hạng mục đầu tư theo tỷ lệ góp vốn đầu tư của các bên. Sau khi hoàn thành dự án đưa vào sử dụng, nếu theo quy định của pháp luật cho phép bên A được cho thuê lại đường dây, bên A cam kết sẽ ký thỏa thuận cho thuê lại đường dây với bên B nếu bên B có yêu cầu, việc cho thuê lại phải căn cứ vào hợp đồng hợp tác đầu tư này và đảm bảo kế thừa các điều kiện, cam kết của các bên tại hợp đồng hợp tác đầu tư này. Thời hạn hợp tác là hết thời hạn của Dự án điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng. Thời hạn góp vốn: Lần 1 bên B góp 80% giá trị đóng góp tương đương 48 tỷ đồng trong thời hạn 07 ngày làm việc từ ngày ký hợp đồng; Lần 2 bên B góp 10% giá trị đóng góp tương đương 6 tỷ đồng trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày hạng mục đầu tư được xác nhận việc thử nghiệm COD đạt yêu cầu; Lần 3 bên B góp 10% giá trị đóng góp tương đương 6 tỷ đồng trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày hạng mục đầu tư được nghiệm thu, hoàn công và đưa vào vận hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.19 Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)		Số cổ khả năng trả nợ
	Giá trị	Số cổ khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	
Vay ngắn hạn	1.331.632.444.581	1.331.632.444.581	3.169.923.543.582	3.058.738.073.520	1.220.446.974.519
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Đô (1)	595.441.090.091	595.441.090.091	1.182.617.740.403	1.025.235.252.897	438.058.602.585
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	1.381.870.494	1.381.870.494	1.381.870.494	-	-
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội - Sở Giao dịch (2)	263.363.846.532	263.363.846.532	842.850.079.631	924.259.202.895	344.772.969.796
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội - Chi nhánh Đông Anh (3)	40.108.326.003	40.108.326.003	41.481.726.234	1.373.400.231	-
Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội	30.414.017.640	30.414.017.640	30.000.000.000	31.129.408.732	31.543.426.372
Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam	-	-	-	7.365.453.469	7.365.453.469
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	-	5.693.371.034	36.670.678.758	30.977.307.724
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm (4)	76.583.492.486	76.583.492.486	133.276.501.385	102.417.688.530	45.724.679.631
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (5)	71.305.774.896	71.305.774.896	167.945.153.525	127.352.438.763	30.713.060.134
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thanh Xuân (6)	77.156.216.062	77.156.216.062	143.597.277.262	85.300.607.603	18.859.546.403
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam- CN Hồ Chí Minh (7)	11.475.322.549	11.475.322.549	69.309.469.967	82.604.495.308	24.770.347.890
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	7.700.000.000	7.700.000.000	7.700.000.000	23.792.391.235	23.792.391.235
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ (8)	19.933.509.041	19.933.509.041	35.688.202.707	19.565.803.475	3.811.109.809
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Hà Nội	-	-	-	7.700.000.000	7.700.000.000
Sumitomo Mitsui Banking Corporation - Hà Nội Branch	-	-	144.102.127.198	193.607.822.853	49.505.695.655
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Hội sở	7.772.032.993	7.772.032.993	19.570.161.696	59.176.791.041	47.378.662.338
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội (10)	36.775.649.871	36.775.649.871	127.463.719.523	148.025.591.860	57.337.522.208
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thăng Long (11)	27.080.535.586	27.080.535.586	91.832.789.051	105.563.253.088	40.810.999.623
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thăng Long (12)	37.546.738.566	37.546.738.566	55.731.487.697	28.306.344.756	10.121.595.625
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Phú Mỹ Hưng, Tp.Hồ Chí Minh (13)	9.880.380.000	9.880.380.000	15.005.828.026	5.125.448.026	-
Vay các cá nhân (14)	17.713.641.771	17.713.641.771	54.676.037.749	44.166.000.000	7.203.604.022

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	31/12/2021 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội	1.012.894.129.105	1.012.894.129.105	907.702.784.321	158.116.521.879	263.307.866.663	263.307.866.663
Ngân Hàng Thương Mại Cổ phần Quân Đội - CN Sở Giao Dịch 1	905.968.800	905.968.800	16.508.135	5.953.323.851	2.832.792.200	2.832.792.200
Ngân hàng TMCP Quân đội (15)	756.935.340.252	756.935.340.252	701.795.482.479	19.408.598.467	6.842.784.516	6.842.784.516
SHOWA LEASING ,LTD	515.400.000	515.400.000	-	-	74.548.456.240	74.548.456.240
Vay Công ty Shanghai Harbour Bruncei (16)	44.009.705.032	44.009.705.032	-	-	515.400.000	515.400.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	-	-	44.009.705.032	44.009.705.032
Trần Ngọc Dương (17)	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam (18)	446.666.676	446.666.676	-	611.166.663	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailcase – Chi nhánh Hà Nội (19)	2.053.333.343	2.053.333.343	-	559.999.992	1.057.833.339	1.057.833.339
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (20)	46.225.928.236	46.225.928.236	76.819.977.498	35.352.417.500	2.613.333.335	2.613.333.335
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội Chi nhánh Kinh Đô	255.970.557	255.970.557	-	1.223.223.206	4.758.368.238	4.758.368.238
Trái phiếu thường						
Công ty cổ phần chứng khoán Dầu khí (21)	79.333.333.332	79.333.333.332	33.683.333.332	52.000.000.000	1.479.193.763	1.479.193.763
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	-	-	15.000.000.000	97.650.000.000	97.650.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (22)	70.212.482.877	70.212.482.877	95.387.482.877	25.175.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.19 Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)

	31/12/2021 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Thuế tài chính	127.728.974.011	127.728.974.011	116.141.235.758	99.633.260.536	111.220.998.789	111.220.998.789
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	10.194.629.642	10.194.629.642	16.087.591.819	9.836.577.519	3.943.615.342	3.943.615.342
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV - Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam	29.271.007.228	29.271.007.228	26.032.776.250	12.999.875.250	16.238.106.228	16.238.106.228
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam (27)	30.862.931.044	30.862.931.044	29.858.566.100	37.307.622.171	38.311.987.115	38.311.987.115
Công ty TNHH Một Thành Viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	-	-	-	217.916.636	217.916.636	217.916.636
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội (28)	6.455.865.997	6.455.865.997	-	5.822.359.768	12.278.225.765	12.278.225.765
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV- Sumi Trust - CN Hà Nội (29)	50.259.301.320	50.259.301.320	44.162.301.589	33.075.142.432	39.172.142.163	39.172.142.163
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP HCM	685.238.780	685.238.780	-	373.766.760	1.059.005.540	1.059.005.540
Tổng	2.472.255.547.697	2.472.255.547.697	4.193.767.563.661	3.316.487.855.935	1.594.975.839.971	1.594.975.839.971

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.19 Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)**b. Nợ thuế tài chính**

	Năm 2021 (VND)		Năm 2020 (VND)	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Trả tiền lãi thuế
Công ty Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	10.391.445.200	554.867.681	6.172.429.059	621.647.463
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	14.804.547.574	1.804.672.324	10.133.232.530	1.158.732.723
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailense - CN Hà Nội	6.603.819.128	781.459.360	8.420.347.031	1.289.862.806
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	39.566.150.934	2.258.528.763	43.222.150.758	2.957.428.161
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương tín	221.674.436	3.757.800	1.375.840.500	102.890.500
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-Sumi Trust - CN Hà Nội	36.956.954.312	3.881.811.880	20.368.006.424	939.462.065
Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP HCM	459.221.077	85.454.317	76.112.802	13.818.342
Tổng	109.003.812.661	9.370.552.125	89.768.119.104	7.083.842.060
				82.684.277.044

CÔNG TY CỔ PHẦN FECO

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(1) -Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/132625/HĐTD ngày 25/05/2021 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đô và Công ty Cổ phần FECO. Hạn mức cấp tín dụng 1.300 tỷ đồng trong đó hạn mức tín dụng ngắn hạn 600 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh 700 tỷ đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C; Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, tối đa là tới 31/05/2022. Biện pháp bảo đảm theo các Hợp đồng bảo đảm được thỏa thuận giữa 2 bên; Lãi suất được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/12117088/HĐTD lập ngày 29 tháng 6 năm 2021 giữa ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với Công ty Cổ phần Thi công cọc FECO số 1 cấp hạn mức tín dụng tối đa là 120 tỷ đồng. Trong đó hạn mức cho vay ngắn hạn, L/C, bảo lãnh thanh toán là 50 tỷ đồng và hạn mức bảo lãnh (không bao gồm bảo lãnh thanh toán) là 70 tỷ đồng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này nhưng không quá 29/6/2022. Thời hạn cho vay/ thời hạn bảo lãnh/ thời hạn L/C, lãi suất, phí được xác định theo từng hợp đồng tín dụng, bảo lãnh cụ thể. Biện pháp bảo đảm là: Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2019/12117088/HĐBĐ ngày 15/07/2019 giữa Công ty Cổ phần Thi công cọc FECO số 1 và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thế chấp các tài sản sau: Máy ép cọc thủy lực ZYJ860BG, Máy ép cọc thủy lực ZYJ600, Máy đóng cọc bánh xích IHI IPD100 cùng các chứng từ kèm theo với tổng giá trị tài sản thế chấp sau khi làm tròn là: 9.116.420.290 đồng; Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2020/12117088/HĐBĐ ngày 12/10/2020 giữa Công ty Cổ phần Thi công cọc FECO số 1 và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thế chấp Xe Toyota Fortuner 20119, Biên kiểm soát 30G-540.14 cùng chứng nhận đăng ký xe ô tô số 753055 ngày 18/09/2020 với tổng giá trị tài sản thế chấp là 910.000.000 đồng; Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2020/12117088/HĐBĐ ngày 12/10/2020 giữa Công ty Cổ phần Thi công cọc FECO số 1 và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thế chấp các tài sản sau: Búa đóng cọc Diezen HD50, số ZC20081107A, Búa đóng cọc Diezen HD50 số ZC20081120A, Búa đóng cọc Diezen HD62 số ZC20081132A, Búa đóng cọc Diezen HD62 số ZC20110322A, Búa đóng cọc Diezen HD50 số ZC20110318A cùng các chứng từ gốc với tổng giá trị tài sản thế chấp là 1.390.862.016 đồng.

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/12145161/HĐTD ngày 05/10/2021 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đô và Công ty Cổ phần Cọc khoan và Kết cấu ngầm FECO; Hạn mức cấp tín dụng tối đa 60.000.000.000 đồng. Trong đó hạn mức cho vay ngắn hạn (gồm cả L/C và bảo lãnh thanh toán) là 30.000.000.000 đồng, hạn mức bảo lãnh (không bao gồm bảo lãnh thanh toán) là 30.000.000.000 đồng; Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C; Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Biện pháp bảo đảm: Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của Hợp đồng này mà Điều khoản và Phạm vi về bảo đảm của Hợp đồng bảo đảm bao gồm Hợp đồng này; Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/12745542/HĐTD ngày 08/7/2021 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đô và Công ty Cổ phần Thi công Cọc và Xây dựng FECO. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng, hạn mức cho vay ngắn hạn, L/C, bảo lãnh thanh toán là 40 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh (không bao gồm bảo lãnh thanh toán) là 60 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31/7/2022. Lãi suất cho vay xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo: Máy ép cọc DTZ 718; Máy đóng cọc Nippon Saryo DH508(N59902); Máy đóng cọc Hitachi PD100; Máy đóng cọc Nippon Saryo DH508-105M(N56702); Máy đóng cọc Sumitomo LS218 RH5; Máy đóng cọc Nippon Saryo DH608-120M; Bộ búa đóng cọc thủy lực DKH-13; Máy đóng cọc Nippon Saryo DH508-105M(N59202); Máy đóng cọc Sumitomo Saryo DH558-110M; Trạm trộn bê tông công suất 120m3/h; Bộ máy bơm Hitachi trục vít 120HP (xuất xứ Nhật); và Xe ô tô Ford Rang



CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(2) - Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 51457.21.002.966899.TD ngày 29/9/2021 giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 và Công ty cổ phần FECON. Hạn mức cấp tín dụng bao gồm:

- HMTD 1: Hạn mức cho vay 190 tỷ đồng, hạn mức thấu chi (thuộc hạn mức cho vay) 2 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh 240 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh thanh toán 15 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh khác 225 tỷ đồng, hạn mức LC 15 tỷ đồng, hạn mức cho vay chưa có đầu ra cụ thể 12.5 tỷ đồng, hạn mức cho vay thanh toán cho Công ty liên quan 100 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức từ 29/09/2021 đến ngày 26/08/2022.

- HMTD 2: Hạn mức cho vay 380 tỷ đồng, hạn mức thấu chi (thuộc hạn mức cho vay) 4 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh 480 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh thanh toán 30 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh khác 450 tỷ đồng, hạn mức LC 30 tỷ đồng, hạn mức cho vay chưa có đầu ra cụ thể 25 tỷ đồng, hạn mức cho vay thanh toán cho Công ty liên quan 200 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức: HMTD 2 chỉ có hiệu lực khi:

+ Fecon có nhu cầu sử dụng vượt giá trị HMTD 1; có đề nghị gửi cho MB và được chấp nhận

+ HMTD 2 có hiệu lực tại thời điểm MB chấp thuận cho Fecon sử dụng khoản tín dụng trong HMTD 2.

Lãi suất gồm lãi suất cố định theo văn bản nhận nợ của hoặc lãi suất thả nổi theo thị trường; Mục đích vay: Cho vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động xây dựng của khách hàng; Tài sản đảm bảo là giá trị sản lượng dở dang và/hoặc quyền đòi nợ từ phương án MB tài trợ theo các Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ; Tỷ lệ duy trì nghĩa vụ tài chính tối đa là 30, 70, 80% tùy theo tài sản đảm bảo.

- Hợp đồng vay số 71762.20.226.2831023.TD ngày 16/12/2020 với Ngân hàng TMCP Quân Đội. Mục đích vay: Để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xây lắp của khách hàng giai đoạn 2020 - 2021. Ngày hiệu lực: Kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 05/12/2021; thời hạn vay: Được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kiểm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; Hình thức đảm bảo tiền vay: Tiền ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Quân Đội, hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm và giấy tờ có giá do Ngân hàng TMCP Quân Đội phát hành, quyền đòi nợ và quyền được nhận thanh toán phát sinh từ giá trị sản lượng dở dang, quyền phát sinh từ hợp đồng thầu phụ số LTRS/SUB/0033 ngày 20/02/2020 và quyền được nhận thanh toán phát sinh từ gia trị sản lượng dở dang.

- Theo hợp đồng cho vay số 355.20.031.7109327.TD ngày 03/12/2020 giữa bên vay Công ty TNHH Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng và bên cho vay Ngân hàng TMCP Quân Đội; Phương thức cho vay: Cho vay dài hạn; Số tiền vay 900.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Tài trợ thanh toán các chi phí xây dựng, thiết bị để thực hiện dự án Nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng - Giai đoạn 1 tại xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; Thời hạn cho vay 168 tháng (14 năm); Thời hạn rút vốn vay tối đa 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng không muộn hơn 31/12/2021; Lãi suất thả nổi được quy định tại các văn bản nhận nợ; Biện pháp bảo đảm: Tiền - Thẻ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi-Giấy tờ có giá, Tài sản khác, Động sản (Quyền tài sản và các quyền, các khoản thu, lợi tức phát sinh từ Dự án, Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện của Dự án), Bất động sản (Công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc Dự án,...).

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(3) Hợp đồng cấp tín dụng số 64493.21.031.5207909.TD ngày 25/11/2021 giữa Công ty Cổ phần Thi công Cọc Fecon số 1 và Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đông Anh; Hạn mức tín dụng 1 là 17.250.000.000 đồng, doanh số giải ngân tối đa 25.785.000.000 đồng; Hạn mức tín dụng 2 là 34.500.000.000 đồng, doanh số giải ngân tối đa 51.750.000.000 đồng. Tại thời điểm cấp tín dụng, Hạn mức tín dụng 1 có hiệu lực, Hạn mức tín dụng 2 chưa có hiệu lực. Hạn mức tín dụng 2 chỉ phát sinh hiệu lực khi khách hàng có nhu cầu sử dụng vượt giá trị của Hạn mức tín dụng 1 và khách hàng có đề nghị gửi MB và được MB chấp thuận; Thời hạn cấp hạn mức tín dụng từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/06/2022; Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn phục vụ thi công theo Hợp đồng xây lắp số 0910/2021/LH2/IPC-FC1 ngày 09/10/2021 về việc cung cấp vật tư và thi công cọc cho móng tuabin điện gió - Dự án Nhà máy điện gió Lạc Hòa 2 giữa Công ty Cổ phần Thi công Cọc Fecon số 1 và Công ty Cổ phần Tập đoàn IPC; Lãi suất theo văn bản nhận nợ của khách hàng với MB; Biện pháp đảm bảo gồm tiền ký quỹ, tiền gửi của MB, tối thiểu 15% nghĩa vụ đảm bảo bằng tài sản độc lập, tối đa 85% nghĩa vụ đảm bảo bằng hàng hóa, quyền đòi nợ hình thành từ phương án MB tài trợ, bảo đảm theo quy định cụ thể tại hợp đồng bảo đảm ký giữa MB và khách hàng.

(4) Hợp đồng vay số 372/2020-HDCVHM/NHCT903-FECON SOUTH JSC ngày 15/12/2020 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh xây lắp năm 2020 – 2021; thời hạn vay: Được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng và được duy trì hạn mức đến ngày 30/11/2021; Lãi suất vay: Được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kèm hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; Hình thức đảm bảo tiền vay: Tài sản đảm bảo là các hợp đồng bảo đảm được xác lập trước hoặc cùng thời điểm ký kết hợp đồng cho vay có quy định hoặc dẫn đến nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng cho vay

(5) - Hợp đồng tín dụng hạn mức số 21/2020/HDDTD/TTKHDNL MB2/01 ngày 04/3/2021 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Công ty Cổ phần Fecon; Hạn mức cấp tín dụng 500 tỷ đồng trong đó hạn mức cho vay tối đa là 200 tỷ đồng; Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng này; Mục đích vay: vay vốn bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động thi công xây lắp của khách hàng; Thời hạn của mỗi khoản vay trong hạn mức theo từng phương án kinh doanh đảm bảo không vượt quá 9 tháng/khế ước nhận nợ; Lãi suất cho vay được quy định theo từng giấy nhận nợ; Không áp dụng biện pháp bảo đảm, theo đó Công ty Cổ phần Fecon có nghĩa vụ: Bổ sung các biện pháp bảo đảm hoặc tài sản bảo đảm theo yêu cầu của TP Bank nếu FECON không đáp ứng được các điều kiện cấp tín dụng không có bảo đảm theo quy định của TP Bank & Trả nợ trước hạn cho TB Bank trong trường hợp không thực hiện được các biện pháp bảo đảm

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo HD cấp tín dụng hạn mức số 148/2020/HDDTD/PHG/01 ngày 14/4/2020. Hạn mức tín dụng 60.000.000.000 (Sáu mươi tỷ đồng chẵn); Thời hạn: 12 tháng (từ ngày 14/4/2020 đến 14/4/2021). Lãi suất: Thỏa nội có điều chỉnh theo từng lần giải ngân và quy định trong từng giấy nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Biện pháp bảo đảm: Ký quỹ và các biện pháp bảo đảm khác.

- Hợp đồng hạn mức số 549/220/HDDTD/PHG/01 ngày 18 tháng 12 năm 2020 với Ngân Hàng TMCP Tiên Phong Bank. Hạn mức tín dụng :120.000.000.000 VND. Thời gian sử dụng hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay quy định cụ thể trong từng văn bản nhận nợ. mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công nền móng công trình ngầm. Tài sản đảm bảo chung cho hạn mức tín dụng: Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai; đã hình thành từ các khách hàng đầu ra; Sở tiết kiệm; Hợp đồng tiền gửi; Bất động sản; Oto dưới 10 chỗ; Máy móc thiết bị đủ điều kiện theo quy định của TP Bank thuộc sở hữu của công ty;các thành viên của Công ty hoặc của bố, mẹ, anh, chị, em, vợ chồng của cổ đông Công ty hoặc bên thứ 3 theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(6) - Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2020 và 2021:

+ Theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 67/2020/HDTD/TXN/01 ngày 12/5/2020 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Xuân và Công ty cổ phần Cọc khoan và kết cấu ngầm FECON; Hạn mức cấp tín dụng tối đa 80.000.000.000 VND trong đó hạn mức cho vay ngắn hạn là 50.000.000.000 đồng và hạn mức bảo lãnh là 30.000.000.000 đồng; Mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh; Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày 12/5/2020 đến ngày 12/5/2021; Biện pháp bảo đảm: Ký quỹ hoặc theo các hợp đồng bảo đảm được ký kết giữa 2 bên;

+ Theo hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 122/2021/HDTD/TXN/01 ngày 15/6/2021 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Xuân và Công ty Cổ phần Cọc khoan và Kết cấu ngầm FECON; Hạn mức cấp tín dụng tối đa 80.000.000.000 đồng, Trong đó hạn mức cho vay là 50.000.000.000 đồng, hạn mức L/C là 50.000.000.000 đồng và hạn mức bảo lãnh là 30.000.000.000 đồng; Mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công, xây lắp; Thời hạn cấp hạn mức kể từ ngày 15/6/2021 đến ngày 15/6/2022; Biện pháp bảo đảm: Ký quỹ hoặc theo các hợp đồng bảo đảm được ký kết giữa 2 bên

- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 26/2021/HDTD/TXN/01 ngày 05/02/2021 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Công ty Cổ phần Thi công cọc FECON số 1 về việc cấp hạn mức tín dụng như sau: Hạn mức cho vay là 30.000.000.000 VND bao gồm bảo lãnh thanh toán và Hạn mức bảo lãnh là 60.000.000.000 VND. Thời hạn sử dụng HMTD là 12 tháng kể từ ngày 05/02/2021 đến ngày 05/02/2022 với lãi suất linh hoạt được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ của khách hàng. Tài sản đảm bảo được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 247/2019/HDBD/TXN/04 ngày 29/10/2020.

- Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 167/2021/HDTD/TXN/01 ngày 23/9/2021 giữa Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Thanh Xuân và Công ty Cổ phần Thi công cọc và Xây dựng FECON; Hạn mức tín dụng là 120 tỷ đồng, hạn mức cho vay 50 tỷ đồng, hạn mức L/C 50 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh 70 tỷ đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công, xây lắp của Công ty; Thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng: 12 tháng từ ngày ký hợp đồng hạn mức; Lãi suất cho vay được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ; Tài sản đảm bảo: Theo hợp đồng cầm cố tài sản số 64/2021/HDBD/TXN/04 ngày 18/05/2021, hợp đồng thế chấp tài sản số 130/2020/HDBD/TXN/02 ngày 04/02/2021, hợp đồng bảo đảm ký kết trước, trong và sau ngày hiệu lực của Hợp đồng này.

(7) Hợp đồng vay số 9899503.21 ngày 04/01/2021 với Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB); mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mở LC phục vụ hoạt động kinh doanh; thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng này; Lãi suất vay: Lãi suất cho vay thả nổi được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm chỉnh lãi xuất, chịu sự điều chỉnh theo chính sách về lãi xuất của VIB theo từng thời kỳ, phù hợp với quy định của Pháp luật; Hình thức đảm bảo tiền vay: Là các khoản phải thu đã hình thành, hình thành trong tương lai từ các hợp đồng đầu ra do VIB tài trợ, bảo lãnh thanh toán của Công ty mẹ - Công ty CP Fecon đối với toàn bộ hạn mức tín dụng

(8) Hợp đồng tín dụng số 1400-LAV-2021.01001 ngày 12/10/2021 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ và Công ty Cổ phần Fecon; Hạn mức cấp tín dụng 350 tỷ đồng bao gồm toàn bộ số dư nợ và số dư bảo lãnh trừ bảo lãnh vay vốn, trong đó hạn mức cho vay tối đa là 200 tỷ đồng; Thời hạn cho vay là theo từng giấy nhận nợ cụ thể, thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 05/10/2021; Mục đích vay: vay vốn bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh; Lãi suất cho vay được quy định theo từng giấy nhận nợ. Cho vay có đảm bảo một phần bằng tài sản với tỷ lệ tối thiểu là 15%/ tổng số dư nợ giải ngân. Tài sản đến đâu giải ngân đến đó, đảm bảo tại mọi thời điểm duy trì được tỷ lệ tài sản nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(9) Theo hợp đồng mức/hạn mức chiết khấu (áp dụng với Chiết khấu BCT kèm hối phiếu theo phương thức thanh toán trả sau) số MMD202113398490/HDHMCK ngày 28/04/2021 giữa Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam và Công ty cổ phần FECON; Giá trị hạn mức chiết khấu BCT kèm hối phiếu theo phương thức thanh toán trả sau: 60 tỷ đồng; Tỷ lệ chiết khấu BCT theo phương thức thanh toán trả sau: Tỷ lệ chiết khấu tối đa là 100% giá trị hối phiếu hoặc hóa đơn. Mục đích sử dụng tiền chiết khấu BCT: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, được nêu cụ thể tại đề nghị chiết khấu BCT theo phương thức thanh toán trả sau; Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất và phí chiết khấu được quy định cụ thể trên đề nghị chiết khấu BCT theo phương thức thanh toán trả sau; Đồng tiền BTT là VND; Biện pháp bảo đảm theo quy định của Techcombank từng thời kỳ được quy định cụ thể trong các hợp đồng bảo đảm.

(10) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng UOB/HCMC/CASL/19202 ngày 03/01/2020 và bản sửa đổi thứ nhất Hợp đồng tín dụng số UOB/HN/CASL/20227 ngày 25/12/2020 giữa Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần FECON. Hạn mức vay tài trợ thương mại 150.000.000.000 đồng; Mục đích: Tài trợ nhập khẩu, mua vật liệu, hàng hóa và các dịch vụ trong nước; Lãi suất: 1,5% cộng với chi phí huy động vốn tùy từng thời điểm hoặc lãi suất khác được 2 bên chấp thuận; Kỳ hạn tối đa 6 tháng kể từ thời điểm giải ngân. Hạn mức bảo lãnh 150.000.000.000 đồng; Mục đích: Dành cho việc phát hành bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh ứng trước được giới hạn ở mức 10% - 15% giá trị hợp đồng hoặc tùy vào quyết định của ngân hàng; Biện pháp bảo đảm: Thế chấp các hợp đồng của bên vay được ngân hàng tài trợ sẽ phải đăng ký giao dịch bảo đảm (không áp dụng cho bảo lãnh dự thầu), đối với mỗi hợp đồng được ngân hàng tài trợ phải chỉ rõ qua tài khoản của bên vay được mở tại ngân hàng, các hợp đồng tài trợ phải được ngân hàng xác nhận. Bản sửa đổi thứ 2 của Hợp đồng tín dụng UOB/HCMC/CASL/19202 Ngân Hàng và Bên Vay đồng ý tái tục Hợp đồng Tín Dụng số UOB/HCMC/CASL/19202 ngày 03/01/2020, Bản Sửa Đổi Thứ Nhất Hợp Đồng Tín Dụng số UOB/HN/CASL/20227 ngày 25/12/2020 ("Hợp Đồng Tín Dụng") thêm kỳ hạn một (1) năm kể từ ngày của Bản Sửa Đổi Thứ Hai này. Hạn mức tín dụng 200 tỷ, mục đích vay, lãi suất và các điều khoản khác không đổi.

(11) -Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 1711/2020-HDCVHM/NHCT326-FECON ngày 25/11/2020 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long và Công ty Cổ phần FECON; Hạn mức cho vay 200.000.000.000 đồng; Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 25/11/2020 đến ngày 25/11/2021; Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động, phát hành LC phục vụ hoạt động SXKD của bên vay; Lãi suất cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ; Biện pháp bảo đảm: Theo các cam kết bảo lãnh/Hợp đồng đảm bảo.

-Hợp đồng cho vay từng lần số 54/2020-HĐCVTL/NHCT328-HTFECON ngày 24/12/2020 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Thăng Long và Công ty cổ phần Đầu tư FECON với số tiền cam kết cho vay không vượt qua 12.000.000.000 đồng. Phương thức cho vay: cho vay từng lần. Mục đích sử dụng: phục vụ hoạt động thi công hạng mục Bến tạm thuộc Dự án Nhà máy điện gió Lạc Hòa tại xã Lạc Hòa, Tx. Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Thời hạn giải ngân là từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 02/3/2021, thời hạn cho vay đến hết ngày 26/6/2021 kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ được điều chỉnh một tháng một lần. Biện pháp bảo đảm bao gồm các Hợp đồng: Hợp đồng thế chấp số 26/2019/HĐBĐ/NHCT328-HTFECON ngày 02/8/2019, 27/2019/HĐBĐ/NHCT328-HTFECON ngày 02/8/2019, 113/2018/HĐBĐ/NHCT328-FECON ngày 25/10/2018; Cam kết trả nợ thay của Công ty Cổ phần Fecon; HĐ thế chấp số 119/2020/HĐBĐ/NHCT328-FECON ngày 24/12/2020; HĐ cầm cố giấy tờ có giá số 56/2020/HĐBĐ/NHCT328-FECON ngày 30/08/2020; HĐ thế chấp động sản số 104/2020/HĐBĐ/NHCT328-FECON ngày 27/11/2020; Hợp đồng thế chấp động sản số 105/2020/HĐBĐ/NHCT328-FECON ngày 26/11/2020.



CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

-Hợp đồng cho vay từng lần số 55/2020-HĐCVTL/NHCT328-HTFECON ngày 24/12/2020 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Thăng Long và Công ty cổ phần Đầu tư FECON với số tiền cam kết cho vay không vượt quá 30.000.000.000 đồng. Phương thức cho vay: cho vay từng lần. Mục đích sử dụng: phục vụ hoạt động thi công hạng mục Thi công đường và hệ thống thoát nước, bãi cầu, công tác đất cho móng trụ điện thuộc dự án Trang trại điện gió BT1 tại xã Ninh Hải, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Thời hạn giải ngân là từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 31/05/2021, thời hạn cho vay đến hết ngày 23/9/2021 kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ được điều chỉnh một tháng một lần.

-Hợp đồng cho vay từng lần số 44/2020-HĐCVTL/NHCT328-HTFECON ngày 05/11/2020 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Thăng Long và Công ty cổ phần Đầu tư FECON với số tiền cam kết cho vay không vượt quá 180.000.000 đồng. Phương thức cho vay: cho vay từng lần. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công công trình hạ tầng thuộc dự án Hoa Sen Đại Phước Phân khu 4 tại xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất cố định ghi trên từng Giấy nhận nợ.

-Hợp đồng cho vay từng lần số 38/2020-HĐCVTL/NHCT328-HTFECON ngày 29/9/2020 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Thăng Long và Công ty cổ phần Đầu tư FECON với số tiền cam kết cho vay không vượt quá 270.000.000 đồng. Phương thức cho vay: cho vay từng lần. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công công trình hạ tầng thuộc dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất tại địa điểm Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Thời hạn giải ngân là từ ngày ký Hợp đồng này đến hết ngày 30/9/2020, thời hạn cho vay là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất cố định ghi trên từng Giấy nhận nợ.

(12) Khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng số 02/21/CTD/FECON ngày 05/01/2021 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long và Công ty Cổ phần Fecon; giới hạn cấp tín dụng 300 tỷ đồng; thời hạn cấp tín dụng tối đa 12 tháng nhưng không quá ngày 04/02/2022; Biện pháp bảo đảm theo các Hợp đồng bảo đảm.

(13) Hợp đồng vay số 01/2020/14167346/HĐTD ngày 16/11/2020 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Mỹ Hưng, Tp. Hồ Chí Minh; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mở LC phục vụ hoạt động kinh doanh; thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng này; Lãi suất vay: Lãi suất cho vay được quy định trong từng giấy đề nghị giải ngân kiểm tra hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; Hình thức đảm bảo tiền vay: Nhận tài sản đảm bảo thuộc sở hữu của Công ty.

(14) Theo Hợp đồng vay vốn số 01/FCPL1/2022 ngày 01/01/2022 giữa bên vay Công ty Cổ phần Thi công Cọc Fecon số 1 và bên cho vay bà Nguyễn Thị Lan Nhung; Số tiền vay 4.700.000.000 đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn ngắn hạn cho hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn vay dự kiến từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022; Lãi suất 6%/năm.

12/2021.12.15/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (15) Theo hợp đồng cho vay số 355.20.031.7109327.TD ngày 03/12/2020 giữa bên vay Công ty TNHH Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng và bên cho vay Ngân hàng TMCP Quân Đội; Mục đích cho vay: Cho vay dài hạn; Số tiền vay 900.000.000.000 đồng; Mục đích vay: Tài trợ thanh toán các chi phí xây dựng, thiết bị để thực hiện dự án Nhà máy điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng - Giai đoạn I tại xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; Thời hạn cho vay 168 tháng (14 năm); Thời hạn rút vốn vay tối đa 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng không muộn hơn 31/12/2021; Lãi suất thả nổi được quy định tại các văn bản nhận nợ; Biện pháp bảo đảm: Tiền – Thẻ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi-Giấy tờ có giá, Tài sản khác, Động sản (Quyền tài sản và các quyền, các khoản thu, lợi tức phát sinh từ Dự án, Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện của Dự án), Bất động sản (Công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc Dự án,...)
- (16) Khoản vay Công ty TNHH Shanghai Harbour Brunei theo Hợp đồng số 01/HĐ/FCSH-SHBR ngày 01/6/2011 và Phụ lục hợp đồng số 01/HĐ/FCSH-SHBR ngày 02 tháng 5 năm 2012; thời hạn hợp đồng tối đa 72 tháng, lãi suất vay 0%. Mục đích vay vốn để bổ sung vốn mua nguyên vật liệu cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Số dư nợ vay gốc nguyên tệ tại ngày 31/12/2020 là: 1.935.768,86 USD.
- (17) Hợp đồng vay tiền số 0810/2019/HĐ-KT.FECON ngày 11/5/2020 giữa ông Trần Ngọc Dương (Tu cách là bên cho vay) và Công ty Cổ phần Fecon; Số tiền vay là 12 tỷ đồng; mục đích vay: bổ sung nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh; thời hạn vay 24 tháng; lãi suất cho vay là 12%/năm; phương thức trả lãi vào ngày 20 hàng tháng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản; Bảo đảm của bên vay: Bên vay bảo đảm bằng mọi biện pháp, bao gồm tất cả và toàn bộ số dư tài khoản tại ngân hàng, các tài sản (bao gồm bất động sản và động sản) mà bên vay là chủ sở hữu hợp pháp, bất kể ở thời điểm hiện tại và tương lai để hoàn trả khoản vay/hoặc các tài khoản tiền mà bên vay đã giải ngân cho bên vay khi đến hạn
- (18) Hợp đồng cho thuê tài chính số 45.19.09/CTTC ngày 17/7/2019 giữa Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Công ty cổ phần Đầu tư FECON. Số tiền cho thuê 2.010.000.000 đồng. Lãi suất cho thuê áp dụng từ thời điểm giải ngân khoản đầu tiên được điều chỉnh 6 tháng/lần, 6 tháng đầu áp dụng lãi suất cố định 9,6%/năm. Sau 6 tháng, lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Sở giao dịch Vietcombank công bố cộng biên độ 3,3%/năm.
- (19) Hợp đồng cho thuê tài chính số B200739613 ngày 30/9/2020 giữa Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease – Chi nhánh Hà Nội và Công ty cổ phần Đầu tư FECON. Số tiền cho thuê 2.800.000.000 đồng. Lãi suất cho thuê áp dụng sau ngày bắt đầu thuê là lãi suất thả nổi tính theo lãi suất tiêu chuẩn VND của CILC (tính theo lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi áp dụng cho khách hàng cá nhân có kỳ hạn 13 tháng của 1 trong 3 ngân hàng BIDV, Sacombank, Vpbank) 9,30%/năm, biên độ dao động 2,69%.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (20) - Hợp đồng cho vay số: 28/2017/HĐTD/PHG ngày 20/01/2017 với Ngân hàng TMCP Tiên Phong. Số tiền vay là 733.000.000 đồng. Mục đích vay: để thanh toán tiền mua ô tô phục vụ mục đích đi lại nội bộ của doanh nghiệp theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 0117/07/HĐKT/VH ký ngày 09/01/2017 giữa Công ty Cổ phần công trình ngầm Fecon và Công ty TNHH ô tô Việt Hùng. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay theo từng văn bản nhận nợ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ hợp đồng vay vốn này.
- Hợp đồng cho vay số 280/2019/GNN/PHG/01 ngày 17/6/2019. Số tiền vay là 3.900.000.000 đồng. Mục đích vay vốn để thanh toán tiền mua máy bơm 2-SHAFT-AUGER theo hợp đồng số 12/2019/HD-KH.FCU ký ngày 08/04/2019 giữa Công ty Cổ phần công trình ngầm Fecon và Sung Won Heavy Machinery Co.,Ltd. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu. Lãi suất linh hoạt: áp dụng 11%/năm trong 3 tháng đầu và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần cộng biên độ 3,6%/năm trong thời gian còn lại. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ hợp đồng vay vốn này.
- Hợp đồng cho vay kèm thế chấp xe ô tô số 305/2019/HĐTD/PHG/01 ngày 01/7/2019. Số tiền vay là 1.067.000.000 đồng. Mục đích vay vốn để thanh toán tiền mua xe ô tô phục vụ đi lại nội bộ theo Hợp đồng mua bán số 2406-04/2019/HĐMB-TG ký ngày 24/6/2019 giữa Công ty Cổ phần công trình ngầm Fecon và Công ty Cổ phần Hà Thành Ô tô. Thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày 05/7/2019. Lãi suất linh hoạt: 8,9%/năm trong năm đầu tiên và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần cộng biên độ 3,95%/năm trong thời gian còn lại. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ hợp đồng vay vốn này.
- Hợp đồng cho vay số 215/2017/HĐTD/PHG/03 ngày 20/9/2019. Số tiền vay là 622.680.000 đồng. Mục đích vay vốn để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị theo Hợp đồng số 29/2019/HD-KH.FCU. Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày kể tiếp ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất linh hoạt theo từng văn bản nhận nợ của khách hàng. Biện pháp đảm bảo là Hợp đồng tiền gửi trường an lộc số HDTG/190414/PHG/1818189900E phát hành ngày 19/4/2019.
- Hợp đồng cho vay số 467/2019/HĐTD/PHG/01 ngày 13/11/2019. Số tiền vay là 2.000.000.000 đồng. Mục đích vay vốn để bù đắp chi phí đầu tư máy móc thiết bị theo hợp đồng mua bán thiết bị số 32/2019/HD-KH.FCU ký ngày 06/9/2019 giữa Công ty TNHH BVA và Công ty Cổ phần công trình ngầm Fecon; Hóa đơn VAT số 00000003 ngày 09/9/2019; biên bản bàn giao máy móc ngày 07/9/2019. Thời hạn cho vay: 36 tháng từ ngày 19/11/2019. Lãi suất linh hoạt: 10,5%/năm trong năm đầu tiên và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần cộng biên độ 3,9%/năm với thời gian còn lại. Tài sản đảm bảo theo quy định tại hợp đồng thế chấp tài sản số 467/2019/HĐBD/PHG/01 ngày 13/11/2019.
- (21) Hợp đồng đặt mua trái phiếu ngày 15/4/2020 giữa Công ty Cổ phần FECON (Tổ chức phát hành) và Công ty Cổ phần chứng khoán Dầu khí; Mệnh giá trái phiếu 1.000.000 đồng/Trái phiếu; Khối lượng trái phiếu đặt mua 50.000 trái phiếu; kỳ hạn trái phiếu là 18 tháng; Lãi suất trái phiếu trong suốt kỳ hạn trái phiếu cố định là 11%/năm; Ngày thanh toán gốc: trừ khi trái phiếu được mua lại trước hạn theo các điều kiện và điều khoản trái phiếu, tiền gốc trái phiếu sẽ được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn; Ngày thanh toán lãi: Ngày thanh toán lãi cuối cùng là ngày đáo hạn trái phiếu.
- Hợp đồng đặt mua trái phiếu FCNH202202 đáo hạn năm 2022 giữa Công ty Cổ phần FECON và các cá nhân; Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000 đồng/Trái phiếu; Kỳ hạn trái phiếu 18 tháng; Tổng khối lượng phát hành: 80.000 Trái phiếu; Lãi suất phát hành cố định 11%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(22) Hợp đồng mua bán trái phiếu số 01/2021/HĐĐMTP/TPBANK-FECON ngày 15/06/2021 giữa Công ty Cổ phần FECON (Tổ chức phát hành) và Ngân hàng TMCP Tiên Phong (Bên mua Trái phiếu); Mệnh giá một trái phiếu 1.000.000 đồng/Trái phiếu; Giá phát hành 1.000.000 đồng/Trái phiếu; Số lượng trái phiếu được mua: 95.000 Trái phiếu; Tổng giá trị được mua 95 tỷ đồng; Cam kết mua lại trái phiếu: Công ty Cổ phần FECON mua lại trái phiếu vào các tháng thứ 3,6,9,12,15,18,21 tháng kể từ ngày phát hành Trái phiếu mỗi đợt mua lại 11,875 tỷ; kỳ hạn trái phiếu là 24 tháng; Lãi suất trái phiếu áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên là 10%/năm, lãi suất trái phiếu áp dụng cho kỳ tính lãi tiếp theo là lãi suất thả nổi; Lãi suất - lãi suất tham chiếu (Lãi suất TGTK VND áp dụng cả nhân kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Tiên Phong) + 3,5%/năm và tối thiểu 10%/năm ; Ngày thanh toán gốc: trừ khi trái phiếu được mua lại trước hạn theo các điều kiện và điều khoản trái phiếu, tiền gốc trái phiếu sẽ được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn; Ngày thanh toán lãi: Việc thanh toán lãi sẽ được thực hiện vào Ngày thanh toán lãi/ngày mua lại trước hạn/ngày mua lại định kỳ/ngày các trái phiếu đến hạn thanh toán theo nguyên nhân khác. Tài sản đảm bảo: 3 triệu cổ phiếu niêm yết của Công ty cổ phần FECON & 4,1 triệu cổ phiếu của Công ty cổ phần Khoáng sản Fecon & 10.099.500 cổ phần của Công ty cổ phần Fecon South & 5.000.000 cổ phần của Công ty cổ phần Năng lượng Fecon.



CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.20 Vốn chủ sở hữu

a. Chi tiết tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Số dư đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND	
									Tổng	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	1.195.388.930.000	418.206.069.395	-	-	285.377.260.365	335.827.353	300.744.819.137	255.830.001.249	2.455.832.907.499	
Công ty con chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	-	-	10.039.280.000	-	-	-	(10.039.280.000)	-	-	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	118.696.444.300	14.888.728.824	133.585.173.124	
Chia trả cổ tức bằng cổ phiếu (i)	59.001.120.000	-	-	-	-	-	(59.001.120.000)	-	-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	-	(23.247.908.100)	(436.905.937)	(23.684.814.037)	
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	-	-	40.092.596.809	-	(40.092.596.809)	-	-	
Chia trả cổ tức bằng tiền mặt (i)	-	-	-	-	-	-	(59.014.661.500)	(149.971.506)	(59.164.633.006)	
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(13.935.465.178)	-	-	-	(2.824.434.768)	(13.935.465.178)	(2.961.000.000)	
Trích thưởng HĐQT và BKS (i)	-	-	-	-	-	-	7.147.015.864	(136.565.232)	7.147.015.864	
Tặng khác (ii)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	-	(1.336.786.000)	-	(1.336.786.000)	
(Tạm trích lợi nhuận năm 2020) (iii)	-	-	-	-	8.511.767.596	-	(18.149.073.838)	3.364.587.458	(6.272.718.784)	
Điều chỉnh hợp nhất các năm trước	-	-	-	-	-	-	(1.246.672.429)	(701.253.241)	(1.947.925.670)	
Giảm khác tại các Công ty con (i)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Giảm khác (do thay đổi tỷ lệ % sở hữu tại các Công ty con)	-	-	-	-	149.772.187	(81.665.716)	652.912.872	14.931.720.691	15.652.740.034	
Số dư tại 31/12/2020	1.254.390.050.000	418.206.069.395	10.039.280.000	(13.935.465.178)	334.081.396.957	254.161.637	212.288.658.729	287.590.342.306	2.502.914.493.846	
Số dư tại 01/01/2021	1.254.390.050.000	418.206.069.395	10.039.280.000	(13.935.465.178)	334.081.396.957	254.161.637	212.288.658.729	287.590.342.306	2.502.914.493.846	
Bán cổ phiếu quỹ cao hơn giá mua vào	-	5.847.994.822	-	-	-	-	-	-	19.783.460.000	
Tặng vốn	320.000.000.000	95.752.500.000	-	-	-	-	-	-	427.752.500.000	
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	68.374.412.603	2.407.373.165	70.781.785.768	
Chia trả cổ tức bằng tiền mặt (i)	-	-	-	-	-	-	(37.631.701.500)	(3.352.985.908)	(40.984.687.408)	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	-	(10.064.143.402)	(625.037.578)	(10.689.180.980)	
Thay đổi tỷ lệ sở hữu công ty con	-	-	-	-	(1.398.450.469)	-	(3.820.746.359)	953.031.189	(4.266.165.639)	
Các khoản điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra thuế và nộp bổ sung (ii)	-	(2.250.000.000)	-	-	-	-	(7.491.704.245)	-	(9.741.704.245)	
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	28.874.866	-	28.874.866	
Trích quỹ đầu tư phát triển tại các Công ty con	-	-	-	-	1.108.425.584	-	(1.108.425.584)	-	-	
Trích thưởng Ban điều hành, HĐQT và BKS	-	-	-	-	-	-	(1.570.772.916)	(220.805.605)	(1.791.578.521)	
Giảm khác (Các khoản truy phát thuế điều chỉnh City con)	-	-	-	-	-	-	564.047.742	(59.105.538)	504.942.204	
Điều chỉnh liên quan đến Hợp nhất	-	-	-	-	-	-	(1.130.220.822)	(23.981.219.022)	(25.111.439.844)	
Số dư tại 31/12/2021	1.574.390.050.000	517.556.564.217	10.039.280.000	-	333.791.372.072	254.161.637	218.438.279.112	274.711.593.009	2.929.181.300.047	

(i): Phân phối lợi nhuận và trích quỹ trong năm là phần trích các quỹ và chia cổ tức theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông của Công ty mẹ và các Công ty con.
(ii): Là các khoản điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra của Cơ quan Kiểm toán Nhà nước Kiểm toán số liệu các năm 2018-2020 và nộp bổ sung.

3/1
A
KIỂM
T
C
A

CÔNG TY CỔ PHẦN FECÓN

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	1.254.390.050.000	1.195.388.930.000
Vốn góp tăng trong năm	320.000.000.000	59.001.120.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	1.574.390.050.000	1.254.390.050.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	47.695.844.902	181.356.286.409

c. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	157.439.005	125.439.005
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	157.439.005	125.439.005
Cổ phiếu phổ thông	157.439.005	125.439.005
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	1.509.570
Cổ phiếu phổ thông	-	1.509.570
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	157.439.005	123.929.435
Cổ phiếu phổ thông	157.439.005	123.929.435
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa	160.047.523.766	334.231.440.767
Doanh thu xây lắp	3.218.002.263.465	2.746.295.728.149
Doanh thu cung cấp dịch vụ	105.422.510.130	73.666.659.328
Doanh thu khác	747.091.232	-
Tổng	3.484.219.388.593	3.154.193.828.244
<i>Trong đó Doanh thu các bên liên quan trình bày Thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</i>	<i>32.919.981.833</i>	<i>217.882.101</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.2 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn hàng bán	108.200.707.707	301.824.445.738
Giá vốn của hoạt động xây lắp	2.829.317.930.145	2.313.305.475.082
Giá vốn cung cấp dịch vụ	76.800.040.895	65.655.047.277
Giá vốn khác	188.293.944	-
Tổng	3.014.506.972.691	2.680.784.968.097

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.571.595.574	11.320.079.057
Doanh thu bán khoán đầu tư	4.594.389.082	1.250.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	477.918.050	18.454.611
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.262.730.315	310.393.672
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.025.023.500	2.245.747.000
Doanh thu tài chính khác	11.499.180	44.091.229
Tổng	18.943.155.701	15.188.765.569
<i>Trong đó Doanh thu các bên liên quan trình bày Thuyết minh 7.1 - Giao dịch các bên liên quan</i>	<i>4.369.593.115</i>	-

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	145.670.784.482	96.073.976.082
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	14.128.095
Chi phí phát hành trái phiếu	4.390.816.209	1.900.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	789.350.370	223.528.148
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	926.848.978	405.604.121
Chi phí tài chính khác	487.306.413	628.370.705
Tổng	152.265.106.452	99.245.607.151

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí bán hàng	25.239.575.877	21.987.042.112
Chi phí nhân viên	16.322.626.054	14.153.777.240
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	776.582.642	222.455.612
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	375.305.640	69.846.671
Chi phí khấu hao TSCĐ	364.483.659	545.450.057
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.880.139.425	2.698.336.021
Chi phí bằng tiền khác	5.520.438.457	4.297.176.511
Chi phí quản lý	200.099.244.674	192.222.584.791
Chi phí nhân viên quản lý	131.085.471.755	112.898.734.105
Chi phí vật liệu quản lý	893.249.753	1.666.170.506
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.195.879.112	5.875.675.813
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.802.704.554	6.347.193.207
Thuế phí và lệ phí	4.355.925.601	4.873.695.603
Chi phí dự phòng	147.920.000	2.103.152.039
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.225.352.561	29.406.228.506
Chi phí bằng tiền khác	18.650.942.330	29.168.845.874
Lợi thế thương mại	6.877.525.788	1.882.889.138
<i>Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>(135.726.780)</i>	<i>(2.000.000.000)</i>
Hoàn nhập dự phòng công nợ phải thu	(135.726.780)	(2.000.000.000)
Tổng	225.338.820.551	214.209.626.903

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.6 Thu nhập khác /Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản, vật tư	1.547.083.149	190.819.480
Thanh lý phế liệu thu hồi	11.800.000	8.181.818
Thu tiền bồi thường	4.643.090.531	87.814.000
Thu nhập từ việc mua rẻ công ty con	-	66.460.000
Các khoản khác	509.795.934	848.041.422
Tổng	6.711.769.614	1.201.316.720
Chi từ hội nghị Geotech	-	595.275.958
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý và chi phí thanh lý	38.356.010	70.274.019
Các khoản chi phí do ngừng sản xuất	2.882.898.430	331.389.023
Phạt vi phạm hợp đồng	1.642.539.949	2.165.670.099
Phạt an toàn lao động	263.850.000	-
Chi phí nộp phạt thuế và phạt vi phạm hành chính	1.603.771.080	2.825.726.628
Chi phí khác	1.514.167.538	2.166.414.636
Tổng	7.945.583.007	8.154.750.363
Lợi nhuận khác	(1.233.813.393)	(6.953.433.643)

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	38.927.106.131	34.647.187.978
Tổng	38.927.106.131	34.647.187.978

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	68.374.412.603	118.696.444.300
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(8.176.907.995)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	68.374.412.603	110.519.536.305
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	127.940.932	118.940.525
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	534	929

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2021, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận năm 2021 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành năm 2021, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 được trình bày lại do ảnh hưởng của trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận, thưởng ban điều hành năm 2020 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2020 như trình bày tại thuyết minh số 6.8 - Thuyết minh Báo cáo tài chính. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trình bày năm 2020 từ 987 đồng/cổ phiếu xuống 929 đồng/cổ phiếu. Cụ thể như sau:

	Năm 2020 (Trình bày lại) VND	Năm 2020 (Đã trình bày) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	118.696.444.300	118.696.444.300
Các khoản điều chỉnh tăng		
Các khoản điều chỉnh giảm (<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, Trích thưởng HĐQT và BKS</i>)	(8.176.907.995)	(1.336.786.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	110.519.536.305	117.359.658.300
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	118.940.525	118.940.525
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	929	987

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.537.108.147.621	1.449.512.744.008
Chi phí nhân công	394.199.292.766	329.594.112.355
Chi phí khấu hao tài sản cố định	82.316.021.236	76.839.628.561
Chi phí dự phòng	12.193.220	2.103.152.039
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.304.532.562.179	1.871.677.017.969
Chi phí khác bằng tiền	326.912.386.192	276.156.573.157
Lợi thế thương mại	6.877.525.788	1.882.889.138
Tổng	4.651.958.129.002	4.007.766.117.227

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan của Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan	Bên liên quan	Mối quan
Phạm Việt Khoa	Chủ tịch HĐQT	Trần Trọng Thắng	Phó CT Thường trực HĐQT
Phạm Hồng	Bố	Hà Thị Minh Châu	Mẹ
Hà Thị Tuyền	Mẹ	Nguyễn Hồng Nhung	Vợ
Phạm Lê Hà Anh	Con	Trần Gia Khanh	Con
Phạm Lê Hà An	Con	Trần Giang Nam	Con
Phạm Lê Lâm Anh	Con	Trần Vinh Khang	Con
Phạm Quốc Hùng	Em	Trần Đức Anh	Con
Phạm Thị Minh Hoa	Em	Trần Thị Yến Thoa	Em
Hà Thế Long	Ủy viên HĐQT	Hoàng Thị Cẩm Huệ	Mẹ vợ
Nguyễn Anh Tuyết	Vợ	Nguyễn Quang Hoàn	Bố vợ
Hà Huy Phong	Con	Nguyễn Hoàng Long	Em vợ
Hà Mạnh Tùng	Con	Hà Thế Phương	Phó CT Thường trực HĐQT
Hà Thị Tuyền	Chị	Phan Thị Kim Minh	Vợ
Hà Thế Hồng	Anh	Hà Hải Yến	Con gái
Hà Thị Bích	Chị	Hà Thị Hồng Vân	Con gái
Hà Thị Bón	Chị	Hà Mai Anh	Con gái
Hà Thế Phương	Em	Phan Xuân Toàn	Con rể
Hà Thị Tâm	Em	Nguyễn Mạnh Quân	Con rể
Hà Thị Chín	Em	Đặng Việt Hùng	Con rể
Hà Thị Lý	Em	Hà Thị Tuyền	Con rể
Phạm Trung Thành	Ủy viên HĐQT Độc lập	Phạm Hồng	Chị Gái
Phạm Trọng Năm	Bố	Hà Thế Hồng	Anh rể
Hà Thị Bón	Mẹ	Vũ Thị Thoa	Anh Trai
Nguyễn Thị Nhạn	Vợ	Hà Thị Bích	Chị dâu
			Chị Gái

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan	Bên liên quan	Mối quan
Phạm Trung Dũng	Con	Hà Thị Bốn	Chị Gái
Phạm Thành Trung	Em	Phạm Trọng Năm	Anh rể
Phạm Minh Huệ	Em	Hà Thị Tâm	Em Gái
Nguyễn Song Thanh	Ủy viên HĐQT Độc lập	Nguyễn Nam	Em rể
Nguyễn Thị Kim Anh	Vợ	Trần Văn Ty	Em rể
Nguyễn Yên Chi	Con	Hà Thị Chín	Em Gái
Nguyễn Song Nguyễn	Con	Hà Thị Lý	Em Gái
Nguyễn Văn Bình	Bố	Nguyễn Tiến Duyệt	Em rể
Trần Thị Tá	Mẹ	Hà Thế Lộng	Anh Trai (UVHĐQT)
Nguyễn Anh Dũng	Em trai	Nguyễn Anh Tuyết	Chị dâu
Nguyễn Thị Thùy	Mẹ Vợ	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Mẹ vợ
Nguyễn Hà	Em Vợ	Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng BKS
Nguyễn Hữu Thái Hòa	Ủy viên HĐQT Độc lập	Phạm Đức Năng	Bố đẻ
Nguyễn Hữu Thái	Bố	Nguyễn Thị Huệ	Mẹ đẻ
Trần Thị Tuyết Hoa	Mẹ	Phạm Hồng Giang	Em gái
Nguyễn Hữu Trám Anh Anna	Con	Phạm Hồng Khánh An	Con gái
Nguyễn Hữu Trí Anh Andres	Con	Trần Công Tráng	TV Ban KS
Satoyuki Yamane	Ủy viên HĐQT	Vũ Thùy Chi	Vợ
Yamane Michiko	Vợ	Trần Minh Thu	Con đẻ
Yamane Shunji	Bố	Trần Vũ Mai Phương	Con đẻ
Yamane Kazuko	Mẹ	Trần Vũ Quang	Con đẻ
Ito Tetsuo	Bố vợ	Trần Mạnh Cường	Bố đẻ
Ito Kanato	Mẹ vợ	Nguyễn Thị Hải	Mẹ đẻ
Yamane Tatsuo	Em trai	Trần Thị Thanh	Chị gái

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan	Bên liên quan	Mối quan
Matsumoto Yumiko	Chi	Trần Thị Thanh Vân	Chi gái
Matsumoto Toshiyuki	Anh rể	Vũ Đình Dương	Bố vợ
Ito Atsushi	Em vợ	Nguyễn Thị Bích Liên	Mẹ vợ
Ito Eri	Em vợ	Nguyễn Chí Thanh	Anh rể
Yamane Yoko	Em dâu	Phạm Đình Nam	Anh rể
Phùng Tiến Trung	Ủy viên HĐQT	Nguyễn Tiến Thành	Thành viên Ban kiểm soát
Phùng Hữu Trí	Bố đẻ	Nguyễn Tiến Trung	Bố đẻ
Nguyễn Thị Nguyệt	Mẹ đẻ	Nguyễn Thị Thân	Mẹ đẻ
Nguyễn Thị Hoàng Hà	Vợ	Nguyễn Thị Minh Tâm	Em gái
Phùng Thu Tra	Con	Nguyễn Văn Thanh	Tổng giám đốc
Phùng Thu Trang	Con	Nguyễn Xuân Diệu	Bố
Phùng Nguyệt Hà	Em	Phạm Thị Nga	Mẹ
Nguyễn Đình Sắc	Bố vợ	Nguyễn Thị Thủy	Chi
Hoàng Thị Cảnh	Mẹ vợ	Nguyễn Thị Hoài	Vợ
Nguyễn Thanh Tùng	Phó TGD	Nguyễn Nhật Nam	Con
Nguyễn Thanh Dũng	Bố	Nguyễn Hoài Bảo Ngọc	Con
Bùi Thị Rường	Mẹ	Nguyễn Quốc Bảo	Phó TGD Thường trực
Nguyễn Chung Thủy	Vợ	Trịnh Thị Minh Phú	Mẹ
Nguyễn Phương Tuệ Anh	Con	Nguyễn Thị Huyền Trang	Em
Nguyễn Phương Thực Anh	Con	Lê Việt Hà	Vợ
Nguyễn Đình Anh	Con	Nguyễn Bảo Hà Vy	Con
Nguyễn Huyền Thương	Chi	Ta Công Thanh Vinh	Phó TGD
Nguyễn Thu Phương	Chi	Phạm Thị Thanh Thủy	Mẹ
Nguyễn Huyền Trâm	Chi	Ngô Phương Hồng Thủy	Vợ
Đỗ Mạnh Cường	Phó TGD	Ta Công Uy Long	Con
Ngô Thị Ngọc Duyên	Vợ	Lê Quang Hanh	Phó TGD

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON
Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan	Bên liên quan	Mối quan
Đỗ Mạnh Quang	Con	Lê Quang Huy	Bố
Đỗ Mạnh Khang	Con	Trần Thị Phồn	Mẹ
Đỗ Văn Đường	Bố	Lê Thị Cẩm Bình	Em gái
Nguyễn Thị Mậu	Mẹ	Nguyễn Thị Lan Hương	Vợ
Đỗ Thị Hải Thủy	Chi gái	Lê Quang Hoan	Con
Đỗ Thị Thu Thương	Chi gái	Lê Quang Hiến	Con
Đỗ Mạnh Quyền	Em trai	Nguyễn Thế Sinh	Người được UQ CBTT
Đỗ thị Quỳnh	Em gái	Ngô Thị Huyền Trang	Vợ
Nguyễn Thị Nghiên	Kế toán trưởng	Trần Thị Xuân	Mẹ đẻ
Nguyễn Đăng Kiên	Bố ruột	Ngô Đình Trường	Bố vợ
Hoàng Thị Bút	Mẹ ruột	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Mẹ vợ
Nguyễn Thanh Khương	Chồng	Nguyễn Minh Thư	Con gái
Nguyễn Nhật Minh	Con gái	Nguyễn Thị Hồng Minh	Chi ruột
Nguyễn Thành Nam	Con trai	Bùi Văn Xiển	Anh rể
Nguyễn Đăng Thăng	Em trai	Nguyễn Công Thành	Người QTCT
Công ty Cổ phần Xây dựng hạ tầng FECON	Công ty con	Hoàng Mỹ Linh	Vợ
Trường PITH Y Yên	Công ty con	Nguyễn Hoàng Linh Chi	Con gái
Công ty Cổ phần Công trình ngầm FECON	Công ty con	Nguyễn Hoàng Hà My	Con gái
Công ty Cổ phần Đầu tư FECON	Công ty con	Nguyễn Công Quán	Bố
Công ty Cổ phần Nông nghiệp hữu cơ	Công ty con	Trần Thị Tú Anh	Mẹ
Đông Khê	Công ty con	Hoàng Mạnh Hùng	Bố vợ
Công ty Cổ phần FECON South	Công ty con	Nguyễn Thị Kim Anh	Mẹ vợ
Công ty Cổ phần Năng lượng FECON	Công ty con	Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng	Công ty con
Công ty TNHH Xây dựng nền móng	Công ty con	Công ty Cổ phần Thi công cọc FECON số 1	Công ty con
FECON - Rainbow	Công ty con	Công ty Cổ phần Cọc khoan và Kết cấu ngầm FECON	Công ty con
Công ty TNHH Nguồn nhân lực FECON	Công ty con	Công ty TNHH Điện gió Quốc Vinh Sóc Trăng	Công ty con
Công ty Cổ phần Cọc và Xây dựng FECON	Công ty con		
Công ty Cổ phần Thiết bị FECON	Công ty con		

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan	Bên liên quan	Mối quan
Công ty TNHH MTV Thi công đường bộ FCI	Công ty con	Công ty cổ phần FECON MILTEC	Công ty con
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật tiên tiến Raito - FECON	Công ty liên kết	Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune (OFICO)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hào 6	Công ty liên kết	Công ty Cổ phần Nguồn Nhân lực Thanh Giang FECON	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Thủ lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, Ban Kiểm soát	21.844.330.331	20.024.412.720
Tổng	21.844.330.331	20.024.412.720

Trong đó, chi tiết như sau:

Lương, thù lao của HĐQT

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Phạm Việt Khoa	Chủ tịch HĐQT	2.327.559.204	2.374.293.856
Hà Thế Phương	Phó Chủ tịch HĐQT	1.335.138.465	1.200.000.000
Trần Trọng Thắng	Phó Chủ tịch HĐQT	1.307.778.976	1.326.768.227
Nguyễn Hữu Thái Hòa	Thành viên HĐQT	399.999.996	399.999.996
Hà Thế Long	Thành viên HĐQT	399.999.996	399.999.996
Nguyễn Song Thanh	Thành viên HĐQT	399.999.996	399.999.996
Phùng Tiến Trung	Thành viên HĐQT	399.999.996	399.999.996
Phạm Trung Thành	Thành viên HĐQT	399.999.996	399.999.996
Satozuki Yamane	Thành viên HĐQT	450.000.000	450.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Lương, thù lao của Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Phạm Thị Hồng Nhung	Trưởng ban	1.532.675.134	1.616.249.814
Nguyễn Tiến Thành	Thành viên	379.054.377	412.066.472
Trần Công Tráng	Thành viên	399.999.996	399.999.996

Lương, thù lao của Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Nguyễn Văn Thanh	Tổng Giám đốc	2.282.375.000	2.224.625.000
Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc	1.892.812.500	1.260.439.583
Phạm Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc	135.000.000	790.700.000
Muôn Văn Chiến	Phó Tổng Giám đốc	60.000.000	238.000.000
Tạ Công Thanh Vinh	Phó Tổng Giám đốc	1.201.614.583	607.703.125
Lê Quang Hanh	Phó Tổng Giám đốc	721.197.917	401.197.917
Đoàn Lam Trà	Phó Tổng Giám đốc	1.195.911.058	1.034.531.250
Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	1.574.490.417	1.260.677.083
Đỗ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	1.141.927.083	603.718.750
Nguyễn Thị Nghiên	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc tài chính	1.287.010.096	1.218.281.250

Thu nhập của Nhân sự công bố thông tin

Họ và tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Trần Phương (Đến ngày 11/10/2021)	Trưởng Ban Quan hệ nhà đầu tư & phát triển Thị trường vốn (Người công bố thông tin)	491.290.545	605.160.417
Nguyễn Thế Sinh (Từ ngày 12/10/2021)	Ban Tài chính Kế toán	128.495.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty liên kết	16.090.701.168	952.471.204
Phải thu khác			
Công ty Cổ phần địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty liên kết	4.244.330.846	116.654.782
Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6	Công ty liên kết	292.490.990	116.654.782
Phải thu cho vay			
Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hảo 6 Công ty Cổ phần hạ tầng Omega Fortune (OFICO)	Công ty liên kết Công ty liên kết	3.798.219.176 153.620.680	
Phải trả người bán			
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật tiên tiến Raito - FECON	Công ty liên kết	57.427.540.000 34.127.540.000 23.300.000.000	62.985.940.000 39.685.940.000 23.300.000.000
		73.303.809.731	-
		73.303.809.731	-

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mễ Trì
 Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì,
 quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Các giao dịch bán hàng				
Công ty Cổ phần Địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty liên kết	Thuế Văn phòng	32.919.981.833	217.882.101
		Thi công xây lắp	441.968.128	217.882.101
		Phí bảo Lãnh	31.233.618.436	-
		Dịch vụ tư vấn	193.645.269	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hào 6	Công ty liên kết		1.050.750.000	-
Các giao dịch mua hàng				
Công ty Cổ phần địa kỹ thuật Tiên Tiến RAITO - FECON	Công ty liên kết	Thi công xây lắp	52.250.189.611	-
			52.250.189.611	-
Lãi cho vay				
Công ty Cổ phần Năng lượng Vĩnh Hào 6	Công ty liên kết	Lãi cho vay	4.369.593.115	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Omega Fortune	Công ty liên kết	Lãi cho vay	2.039.593.116	-
			2.329.999.999	-

CÔNG TY CỔ PHẦN FECON

Tầng 15 Tháp CEO, Lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì
Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập biểu



Trần Thu Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Nghiên

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022



Ông Giám đốc



Nguyễn Văn Thanh

